

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHÁT BẢO AN

QUYỂN THỨ TƯ

PHẨM ÁC HỮU THỨ SÁU

ẢY giờ đại chúng vây quanh Đức Thế Tôn, cúng dàng cung kính, tôn trọng tán thán. Khi ấy Đức Như Lai vui vẻ mỉm cười, rồi từ trên trán phóng ra một vầng hào quang Đại bi bốn màu : xanh, vàng, đỏ, trắng, chiếu khắp mười phương, trên từ cõi trời Sắc Cứu Kỉnh, dưới đến mười tám cửa địa ngục. Khi tia hào quang chiếu vào cái thân đau đớn; khổ não của Đề Bà Đạt Đa, thì lập tức Đề Bà Đạt Đa được yên vui bình thản.

Lúc đó đại chúng đồng thanh ca ngợi Đức Như Lai rằng :

- Quý hóa thay ! Quý hóa thay ! Đức Thế Tôn thật là một Đấng Đại từ, Đại Bi, đối với kẻ oán, người thân, tâm thường bình đẳng. Đề Bà Đạt Đa lúc nào cũng mang lòng thâm độc, toan hãm hại Như Lai, thế mà Đức Thế Tôn không những đã chẳng lo sợ, oán giận, mà còn rủ lòng thương xót, phóng hào quang Đại bi, chiếu vào Đề Bà Đạt Đa cho được yên vui bình thản.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo đại chúng rằng :

- Không phải chỉ ở kiếp này Đề Bà Đạt Đa thường mang lòng hại ta, mà trong kiếp quá khứ xa xưa, Đề Bà Đạt Đa cũng thường muốn hại ta, nhưng ta cũng lấy lòng từ bi mà tha thứ và cứu độ cho.

Lúc ấy Ngài A Nan thấy trong lòng đại chúng đều có chỗ ngờ,

mới từ chỗ ngồi đứng dậy, để hở vai áo bên phải, đầu gối bên phải quỳ sát đất, chấp tay bạch Phật rằng :

- Bạch Đức Thế Tôn ! Trong kiếp quá khứ ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA thường mang lòng hại Phật, việc đó như thế nào ?

Phật bảo Ngài A Nan :

- Ông hãy nghe cho kỹ, tôi sẽ vì ông mà nói rõ ràng việc đó. Ở thời quá khứ, cách đây không biết bao nhiêu năm, có một nước gọi là Ba La Nại. Trong nước ấy có một vị Phật ra đời, hiệu là Tỳ Bà Thi Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, Phật Tỳ Bà Thi ở đời giáo hóa được mười nghìn năm thì nhập diệt. Chính pháp của Ngài lưu truyền được mười

hai nghìn năm, thì bắt đầu sang thời kỳ Tượng pháp.

Sau thời kỳ Tượng pháp, nước Ba La Nại có ông vua tên là Ma Ha La Xà. Vua rất thông minh và nhân đức, lấy chính pháp trị nước, không bóc lột nhân dân. Vua làm bá chủ mười sáu nước nhỏ, tám trăm thôn ấp; có năm trăm voi trắng và hai vạn phu nhân, nhưng không có con. Vua Ma Ha La Xà mới làm lễ kỳ đảo các vị Thần sông ngòi, núi rừng và cây cối để cầu tự. Cứ như thế ròng rã trong mười hai năm, thì hai Bà đệ nhất và đệ nhị Phu nhân đều mang thai. Được biết tin ấy, vua hết sức vui mừng, rồi tự tay chăm sóc các thức ăn uống, giường mùng cho hai bà phu nhân, khiến cho đều được như ý. Sau mười tháng, đệ nhất phu nhân sinh ra Thái tử, thân hình

đầy đặn, tướng mạo khôi ngô và sắc diện đoan trang. Đệ nhị phu nhân cũng sinh được một trai. Vua thấy sung sướng vô cùng, liền triệu tập các quan văn, võ, các nhà xem tướng và các thầy Bà La Môn để xem tướng và đặt tên cho hai Thái tử.

Thầy tướng hỏi :

- Khi sinh Thái tử, có điềm gì khác lạ không ?

Vua đáp :

- Bà mẹ của Thái tử thứ nhất xưa nay tính tình vốn xấu xa hay giận dữ, ghen ghét, tự kiêu, tự đại, nhưng từ khi sinh Thái tử thì tính tình khác hẳn : hòa nhã, vui vẻ, rộng lượng, khiêm tốn và lúc nào cũng tươi cười ; gặp ai cũng dùng lời từ tốn thăm hỏi và thương yêu mọi người như mẹ thương con.

Thầy tướng nói :

- Đó là do cái phúc đức của đứa trẻ này mà khiến cho cha mẹ thay đổi như thế. Vậy nên đặt tên là Thiện Hữu Thái tử.

Thầy tướng lại hỏi :

- Thế còn đệ nhị Phu nhân khi sinh Thái tử có điềm gì khác lạ không ?

Vua đáp :

- Đệ nhị Phu nhân xưa nay tính tình vốn hiền hậu, vui vẻ, nói năng dịu dàng, ai cũng quý mến, nhưng từ khi mang thai thì tính nết đột nhiên thay đổi : cáu kỉnh, oán hờn, ghen ty, và hay chửi rủa.

Thầy tướng nói :

- Đó là do cái nghiệp báo của đứa trẻ này khiến cho bà mẹ thay đổi như thế. Vậy nên đặt tên là Ác Hữu Thái tử.

Từ đó hai Thái tử dần dần khôn lớn, cho đến năm mười

bốn tuổi thì Thiện Hữu Thái tử tỏ ra rất thông minh và nhân từ, hay bố thí cho những người nghèo khó, nên cha mẹ rất thương yêu, quý chuộng. Còn Ác Hữu Thái tử thì tính khí hung bạo, cha mẹ thường ghét, không muốn nhìn mặt, nên Ác hữu mang lòng ghen ghét với anh, hay gây sự bất hòa, sinh tâm hờn giận và chỉ muốn làm hại anh.

Một hôm Thiện Hữu Thái tử cùng với đoàn người tùy tùng ra ngoài thành du ngoạn. Thái tử thấy người cày ruộng, lưỡi cày đưa đến đâu thì côn trùng dưới đất chạy ra và lập tức bị những chim chóc mổ ăn. Thái tử thấy thế, bùi ngùi thương xót và vốn sinh trưởng trong thâm cung chưa hề thấy việc ấy, nên mới hỏi người tùy tùng rằng :

- Tại sao những con vật lại giết hại lẫn nhau vậy ? Và tại sao người kia phải làm việc vất vả như thế ?

Người tùy tùng đáp :

- Sở dĩ Thái tử có đất nước là nhờ ở nhân dân ; nhân dân có là nhờ sự ăn uống, sở dĩ có cái ăn uống là nhờ ở sự cày cấy, trồng trọt các thứ thóc lúa để nuôi sống con người.

Nghe xong, Thái tử tỏ vẻ buồn rầu thương cảm. Rồi đi được một khoảng đường nữa, lại thấy một bọn người, cả đàn ông lẫn đàn bà đang dệt vải, mồ hôi nhễ nhại, trông có vẻ mệt nhọc. Thái tử lại hỏi :

- Những người kia làm gì thế ?

Tùy tùng thưa rằng :

- Thưa Thái tử, họ đang dệt vải để may quần áo cho mọi

người che đậy thân thể và ngừa sự rét mướt.

Thái tử tự nghĩ : vì miếng cơm ăn manh áo mặc mà con người phải vất vả như vậy. Đi thêm một quãng nữa lại thấy người ta đang lột da những con trâu, con ngựa và chọc tiết heo, dê, Thái tử liền hỏi :

- Bọn người kia đang làm gì mà lại xâu xé những con vật thể kia ?

Tùy tùng trả lời :

- Họ là những người đồ tể, bán thịt để mưu sinh.

Nghe xong, Thái tử có vẻ kinh sợ và nói :

- Lạ thay, sao người ta có thể bắt nhốt như thế được, cày mạnh hiếp yếu, sát sinh để mưu sinh mà gây nên oan trái rồi đền trả nhau trong bao nhiêu kiếp.

Rồi đi được một quãng đường nữa, lại gặp một bọn người bẫy chim, bắt cá, hà hiếp kẻ vô cơ, người khỏe bắt nạt kẻ yếu, Thái tử lại hỏi :

- Bọn người kia làm gì vậy ?

- Thưa Thái tử, họ đang bẫy chim, bắt cá để đổi lấy miếng cơm ăn manh áo mặc.

Nghe xong, Thái tử buồn rầu, rơi lệ, thương cho chúng sinh ở đời toàn tạo những nghiệp ác, để rồi phải chịu những quả khổ vô cùng. Thái tử thấy lòng thương xót không nguôi, liền sai quay xe trở về cung điện.

Khi về đến cung, Vua cha thấy Thái tử có vẻ ưu tư, sầu khổ, mới hỏi nguyên do, thì Thái tử đem hết những việc đã được mục kích trong khi du ngoạn ngoài thành, thuật lại cho Vua cha nghe. Vua nói :

- Đó là những việc tự nhiên ; không thể tránh được vậy con không nên buồn rầu, hại cho sức khỏe.

Thái tử nói :

- Nay con muốn xin phụ vương một việc, Phụ vương có vui lòng cho con không ?

Vua nói :

- Con là người con yêu quý của cha, vậy ý con muốn điều gì cứ nói, cha sẽ cho con được toại nguyện.

Thái tử thưa :

- Con muốn xin tất cả những kho tàng của cải và lương thực của Phụ vương để bố thí cho hết thảy mọi người.

Vua trả lời :

- Tùy ý con muốn, cha không hối tiếc.

Bấy giờ, Thiện Hữu Thái tử mới sai quan giữ kho mở các cửa kho và dùng năm trăm con voi lớn chở các thứ của báu ra bốn cửa thành truyền cho nhân dân khắp trong nước ai cần thức ăn, áo mặc và của cải, cứ tự ý đến mà lấy. Lúc đó danh tiếng của Thái tử lừng lẫy tám phương. Dân chúng khắp nơi kéo đến và chỉ trong một thời gian ngắn đã hết hai phần ba của cải trong các kho tàng. Viên quan coi kho liền vào tâu Vua rằng :

- Tâu Bệ hạ ! Thái tử đã cho hết hai phần ba của cải trong các kho, xin Bệ hạ hãy nghĩ lại.

Vua nói :

- Không nên làm trái ý Thái tử.

Một lúc sau các quan lại họp nhau để bàn bạc và cho rằng : Sở dĩ Quốc gia được hưng thịnh

là nhờ vào các kho tàng, nay kho tàng hết sạch của cải, thì quốc gia phải lâm nguy. Bàn xong, các quan lại vào tâu vua :

- Tâu Bệ hạ ! Thái tử đã dùng hết hai phần ba của cải trong kho tàng, xin Bệ hạ can ngăn Thái tử.

Vua trả lời :

- Trẫm không dám làm trái ý con trẫm, vậy các khanh hãy từ từ tìm cách can ngăn Thái tử.

Hôm sau Thiện Hữu Thái tử vào kho thì không thấy quan giữ kho đến mà cửa kho thì khóa chặt. Thái tử sai người đi mời quan giữ kho, nhưng không gặp. Thái tử tỏ vẻ bực mình :

- Sao viên quan coi kho mà dám làm trái ý ta ? Hay Phụ vương ta đã ra lệnh như vậy ?

Nói xong, Thái tử sực tỉnh lại, liền tự nghĩ rằng : "Người

con có hiếu thảo, không nên phá tán của cải của cha mẹ, ta hãy tự tìm lấy của báu để bố thí chúng sinh. Nếu ta không thể cấp dưỡng đầy đủ thức ăn, áo mặc cho hết thấy chúng sinh được như ý, thì sao có thể gọi là con của một vị Đại Vương "?

Nghĩ như thế rồi, Thái tử mới triệu tập các quan văn võ để thảo luận. Thái tử hỏi :

- Người ta làm nghề gì thì kiếm được nhiều của nhất ?

Vị đệ nhất Đại thần thưa :

- Ở đời, muốn được giàu có trước hết là phải cày cấy trồng trọt, vì mất ít vốn mà lại được nhiều lời.

Vị Đại thần khác lại thưa :

- Cái nghề đưa lại nhiều lợi tức nhất là nghề chăn nuôi, là vì súc vật sinh nở rất mau.

Lại có một vị Đại thần nữa nói :

- Ai muốn trở nên đại phú thì phải xuống biển tìm các thứ bảo vật. Nếu được viên ngọc Ma Ni Bảo Châu thì tha hồ mà cấp dưỡng cho hết thủy chúng sinh, khiến cho đều được đầy đủ như ý muốn.

Thiện Hữu Thái tử nói :

- Duy có cách ấy là hợp ý ta nhất.

Lập tức Thái tử cho các quan giải tán rồi vào cung tâu với Vua cha :

- Nay con muốn xuống biển tìm các thứ bảo châu, xin Phụ Vương chấp thuận.

Nghe lời nói ấy, như sét đánh bên tai, nhà Vua ghen ngào nói với Thái tử :

- Giang sơn đất nước này và kho tàng của báu kia đều thuộc

quyền sở hữu của con, tùy ý con sử dụng, hà tất phải xuống biển tìm châu báu ? Con vốn sinh trưởng trong thâm cung, sống trên nhung lụa, nay phải dãi dầu sương gió, đói khát nóng lạnh, lấy ai săn sóc. Hơn nữa, giữa biển cả mênh mông, bao nhiêu tai nạn, nào ác quỷ độc long, sóng cồn gió đập, nước xoáy đá ngầm, cá kình cá mập, nghìn vạn người ra đi, chỉ một vài người đến đích. Nay con lại xin xuống biển thì việc ấy cha không thể cho được.

Lúc đó, Thiện Hữu Thái tử liền nằm phủ phục xuống đất mà tâu với Vua cha rằng :

- Nếu cha mẹ không cho con được xuống biển tìm châu thì con sẽ bỏ mệnh nơi đây chứ trọn không đứng dậy.

Bấy giờ, nhà Vua và các phu nhân thấy như thế, thì chỉ đưa

mắt nhìn nhau mà không nói nên lời. Một lúc sau mới đến khuyên giải Thái tử rằng :

- Con hãy dậy ăn uống đi.

Thái tử nói :

- Nếu cha mẹ không cho con được toại nguyện, con nhất định sẽ nhịn đói đến chết.

Vua cha và các phu nhân âu sầu khổ não, khóc lóc thảm thương, cứ như thế cho đến trọn một ngày mà Thái tử cũng không ăn uống. Rồi hai ngày, ba ngày cho đến sáu ngày trôi qua, Thái tử cũng không hề lay chuyển. Cha mẹ lo sợ quá nên đến ngày thứ bảy mới vồ về khuyên nhủ Thái tử :

- Con hãy dậy ăn uống đi ! Cái thân này nhờ có ăn uống mới sống được, nếu không ăn uống thì tất phải chết.

Thái tử nói :

- Nếu cha mẹ nhất định không cho con xuống biển tìm châu thì con sẽ chết tại đây, không bao giờ đứng dậy.

Bấy giờ bà đệ nhất phu nhân tâu Vua rằng :

- Con nó đã quyết chí như thế, thì khó có thể làm lay chuyển được. Vậy nữ nào ta nhìn con bỏ mệnh nơi đây ? Vậy xin Bệ hạ hãy rủ lòng thương mà cho con xuống biển thì may ra còn hy vọng phần nào trong muôn một, chứ nếu không cho thì chắc chắn con nó sẽ chết ngay đây.

Nhà vua thấy không thể nào ngăn cản nổi, nên đành phải bằng lòng. Bấy giờ Thiện Hữu Thái tử đứng dậy vui mừng, lễ chân Phụ vương. Các cung phi, thế nữ và trăm nghìn người xung quanh đều hỏi nhau :

- Thái tử còn sống hay chết ?

Vua trả lời :

- Hôm nay Thái tử đã trở dậy, vui vẻ và ăn uống như thường.

Vua hỏi Thái tử :

- Mục đích con muốn xuống biển để tìm của báu gì ?

Thái tử trả lời :

- Tâu Phụ Vương, con muốn tìm cho được viên ngọc Ma ni Bảo châu để cấp dưỡng cho hết thảy chúng sinh, khiến cho không còn thiếu thốn.

Bấy giờ nhà Vua mới truyền lệnh khắp trong nước, nói rằng :

- Thiện Hữu Thái tử muốn xuống biển tìm ngọc Ma ni Bảo châu, nếu ai chịu đi với Thái tử thì khi trở về, ta sẽ ban cho của cải dùng trong bảy đời không phải thiếu thốn. Ta sẽ sắm đầy đủ thuyền bè và cung cấp lương thực đi đường ? Khi nghe lệnh ấy, năm trăm người

vui mừng tụ họp, rồi đến tâu Vua :

- Muôn tâu Bệ hạ ! Chúng tôi xin tình nguyện đi theo Thái tử.

Thì bấy giờ, ở nước Ba La Nại, có một nhà hàng hải rất thông thạo các đường biển, nhưng đã tám mươi tuổi, nên mắt đã mờ. Vua Ba La Nại, đến tận nơi nói với nhà hàng hải rằng :

- Trẫm chỉ có một người con, từ xưa chưa hề đi đâu, mà nay lại muốn xuống biển tìm ngọc, nên Trẫm đến cảm phiền khanh cùng đi để hướng dẫn con Trẫm.

Nghe Vua nói thế, nhà hàng hải quá xúc động nên cất tiếng khóc, rồi tâu Vua rằng :

- Tâu Bệ hạ ! Giữa biển cả mênh mông, có rất nhiều nguy hiểm và gian khổ, muôn nghìn người ra đi mà chỉ có một vài

người đến đích, tại sao Bệ hạ lại để cho Thái tử dẫn thấn vào con đường hiểm nghèo như vậy ?

Vua nói :

- Thái tử quyết chí xin đi, Trẫm đã nhiều ngày khuyên giải mà Thái tử không nghe. Cho nên, vì quá thương con mà Trẫm không dám làm trái ý Thái tử. Nghe xong, nhà hàng hải phải tuân theo mệnh lệnh nhà Vua để cùng đi với Thái tử.

Bấy giờ Thiện Hữu Thái tử chuẩn bị hành trang đầy đủ cho năm trăm người rồi sai người chở ra bãi biển. Lúc đó em Thái tử là Ác Hữu tự nghĩ rằng : "Xưa nay cha mẹ thường yêu quý Thiện Hữu hơn ta, nay Thiện Hữu lại đi ra biển tìm ngọc báu, nếu ngày kia được ngọc đem về, thì chắc chắn cha mẹ lại càng yêu quý Thiện Hữu hơn nữa mà ghét bỏ

ta." Nghĩ như thế rồi, Ác Hữu Thái tử liền đến xin nhà Vua, cho phép cùng đi với Thiện Hữu xuống biển tìm châu. Vua nói :

- Tùy ý người. Giữa đường nếu gặp tai nạn thì anh em phải che chở cho nhau.

Lúc tới biển, Thiện Hữu Thái tử dùng bảy cái neo, neo thuyền lại bảy ngày trước khi ra khơi. Mỗi buổi sáng, khi mặt trời vừa mọc, Thiện Hữu Thái tử đánh một hồi trống rồi tuyên bố rằng :

- Tất cả mọi người, ai muốn xuống biển thì cứ mặc nhiên, nếu ai còn quyến luyến cha mẹ, vợ con, anh em và các thú vui ở đời, thì hãy nên trở về, chớ đừng vì tôi mà đi theo. Tại sao vậy ? Vì giữa biển cả mênh mông, có nhiều tai nạn, trong muôn nghìn người đi thì chỉ một vài người đến đích.

Trong khi tuyên bố như thế, nếu tất cả mọi người đều giữ mặc nhiên, thì nhổ một chiếc neo mà gác lên mạn thuyền. Ngày nào cũng tuyên bố như thế cho đến ngày thứ bảy thì tất cả bảy chiếc neo đều được nhổ lên và bắt đầu giương buồm cho thuyền ra khơi.

Nhờ phúc đức và lòng tử bi của Thái tử nên mọi người đã vượt qua biển cả mà đến được núi Trân Bảo bình an vô sự. Khi đến nơi, Thiện Hữu Thái tử liền dóng một hồi trống rồi tuyên bố rằng :

- Các người nên biết, đường xá xa xăm, nay đã đến nơi, vậy các người phải mau mau thu lượm lấy của báu mà trở về, càng sớm càng hay. Nhưng của báu ở đây rất nặng và quý giá, ở cõi Diêm phù Đề không có vật gì sánh kịp, vậy các người đừng

có tham lam chở nhiều, sợ nặng quá mà thuyền đắm giữa dòng, không về đến nơi, thì thật là uổng công khó nhọc.

Dặn dò xong xuôi, Thái tử cùng mọi người chia tay, nói rằng :

- Các người cứ yên tâm trở về, ta còn đi nữa để tìm cho được ngọc Ma ni Bảo châu.

Bấy giờ, Thiện Hữu Thái tử và nhà hàng hải hướng đạo tiến lên, đi được bảy ngày thì đến một chỗ nước chỉ sâu đến đầu gối ; lại đi bảy ngày nữa thì đến một chỗ nước sâu đến cổ ; lại tiến thêm bảy ngày nữa, vượt qua một lớp phù sa thì đến một bãi biển, mà cát toàn bằng bạch ngân. Người hướng đạo hỏi :

- Đất này bằng thứ gì ?

Thái tử đáp :

- Đất này toàn bằng bạch ngân.

Người hướng đạo lại nói :

- Thái tử hãy nhìn xa ra bốn phía xem có dãy núi bạch ngân nào không ?

- Phía Đông Nam có một dãy núi Bạch Ngân xuất hiện.

- Con đường này sẽ dẫn đến chân dãy núi ấy.

Khi tới núi Bạch ngân rồi, người hướng đạo nói với Thái tử :

- Bây giờ ta nên đi đến núi Kim Sa.

Nhưng lúc đó người hướng đạo cảm thấy mỗi mệt, kiệt sức, liền nằm xuống và nói với Thái tử :

- Tôi thấy trong người yếu quá, chắc không được bao lâu nữa tôi sẽ bỏ mạng nơi đây. Vậy Thái tử hãy hăng hái lên, từ đây đi về phía đông chừng bảy

ngày nữa, sẽ tới núi Kim Sơn, rồi từ núi Kim Sơn đi bảy ngày nữa sẽ đến một nơi mà đất toàn bằng hoa sen đỏ thắm, đi qua nơi này, thì đến một cái thành Thất Bảo, nền thành toàn bằng hoàng kim, lầu gác bằng bạch ngân, những tấm bình phong bằng ngọc san hô đỏ, những lối trần châu giăng mắc phía trên, bảy lần hào lũy toàn bằng lưu ly. Đó là thành của Đại Hải Long Vương. Trong tai bên trái của vị Long Vương ấy có một viên ngọc Ma Ni Như Ý Bảo Châu. Thái tử nên đến mà xin. Nếu được viên ngọc ấy, thì có thể làm cho khắp cõi Diêm phù Đề đầy đủ các thứ của báu, thức ăn, áo mặc, thuốc thang và ca nhạc vui tươi. Nói tóm lại, hết thảy chúng sinh cần cái gì là tùy ý được thỏa mãn, cho nên gọi là Như Ý Bảo Châu. Nếu Thái tử được viên ngọc ấy thì

chắc chắn sẽ được toại nguyện xưa. Nói xong, người hướng đạo trút hơi thở cuối cùng.

Bảy giờ, Thiện Hữu Thái tử ôm lấy xác người hướng đạo mà khóc lóc thảm thiết. Người hướng đạo chết đi, Thái tử đã mất một người tin cậy. Sau khi phủ cát vàng mai táng cho nhà hàng hải, Thiện Hữu Thái tử đi nhiều bảy vòng, làm lễ rồi từ biệt.

Từ đây, Thái tử đi thẳng đến núi Kim Sơn, qua núi Kim Sơn thì thấy hoa sen màu xanh mọc khắp mặt đất. Dưới những bông sen, có nhiều rắn độc cũng màu xanh. Loại rắn đó rất độc hại : nó cắn cũng chết, chạm xát vào nó cũng chết, và nó phun nọc độc cũng chết. Những con rắn độc đó quán lấy cuống bông sen, giương mắt le lưỡi mà nhìn Thái tử. Lúc đó Thiện Hữu Thái tử

liền nhập Từ bi quán, rồi nhờ năng lực Từ bi dấm lên hoa sen mà đi, thẳng tới cung điện Long Vương, mà những rắn độc không hề cắn hại. Bốn bên cung điện Long Vương có bảy lần hào lũy, trong các hào lũy ấy rất nhiều rồng độc, mình quấn lấy nhau, giao đầu nhìn nhau mà giữ cửa thành.

Khi Thiện Hữu Thái tử đến ngoài cửa thành thì thấy toàn rồng độc. Thái tử liền vận dụng từ tâm và tự nghĩ rằng : "Nếu cái thân ta đây mà bị những con rồng độc kia sát hại, thì hết thảy chúng sinh ở cõi Diêm Phù Đề đều sẽ mất lợi ích lớn".

Bấy giờ Thái tử giơ tay phải lên, bảo những con rồng độc rằng :

- Các người nên biết, ta nay vì hết thảy chúng sinh, muốn được yết kiến Long Vương .

Ngay lúc ấy, tất cả các rông độc mở đường cho Thái tử đi qua. Thái tử đi hết lần hào lũy thứ bảy thì đến cửa thành. Ở đây, Thái tử thấy hai người ngọc nữ, phục sức bằng nhung tơ, yếu điệu thướt tha. Thái tử mới hỏi :

- Các người là ai ?

Ngọc nữ trả lời :

- Chúng tôi là những tỳ nữ của Long Vương, có bốn phận giữ cửa thành ngoài.

Đoạn Thái tử tiến vào cửa giữa, lại thấy bốn người ngọc nữ phục sức toàn bằng bạch ngân. Thái tử hỏi :

- Có phải các tiểu thư là cung phi của Long Vương không ?

Ngọc nữ trả lời :

- Không phải. Chúng tôi chỉ là tỳ nữ của Long Vương, có phận sự canh gác cửa giữa thành.

Thái tử lại vào cửa trong thấy tám nàng ngọc nữ, phục sức bằng hoàng kim. Thái tử hỏi :

- Các tiểu thư là người thế nào ?

Ngọc nữ trả lời :

- Chúng tôi là tỳ nữ giữ cửa của Long Vương.

Thái tử nói :

- Các tiểu thư hãy vì tôi vào báo cho Đại hải Long Vương biết là có Thiện Hữu Thái tử, con Vua nước Ba La Nại, ở cõi Diêm Phù Đề muốn được yết kiến Long Vương.

Các ngọc nữ liền vào tâu Long Vương. Long Vương nghe xong lấy làm lạ, mới tự nghĩ rằng : "Nếu không phải là con người có đầy đủ phước đức và thiện tâm thì không thể nào vượt qua được những khoảng đường xa xăm đầy nguy hiểm

mà đến đây được." Nghĩ như thế rồi, Long Vương mới ra tận cửa để đón rước Thiện Hữu Thái tử vào cung.

Cung điện của Long Vương toàn bằng lưu ly, giường nằm, tòa ngồi làm bằng thất bảo, ánh sáng chói ngời, nhìn vào lóa mắt. Long Vương mời Thiện hữu Thái tử ngồi, rồi cùng chuyện trò. Nhân đó, Thái tử thuyết pháp cho Long Vương nghe, nói về công đức của sự bố thí, cúng dàng và phúc báo ở cõi người và cõi trời. Nghe xong, Đại Hải Long Vương thấy lòng vui sướng, mới hỏi Thái tử :

- Người đã vượt bao nhiêu trùng dương đến đây, mục đích muốn tìm vật gì ?

Thái tử nói :

- Tâu Đại vương, hết thấy chúng sinh ở cõi Diêm Phù Đề chỉ vì miếng cơm ăn, manh áo

mặc mà phải chịu khổ vô cùng. Nay tôi không quản đường xa, vượt bao gian khổ và hiểm nghèo, đến đây mục đích chỉ để xin viên ngọc Như Ý Bảo châu trong tai bên trái của Đại Vương mang về cấp dưỡng cho hết thảy chúng sinh, khiến cho đều được ấm no đầy đủ.

Long Vương nói :

- Xin Thái tử hãy ở lại đây bảy ngày để tôi có dịp được cúng dàng.

Thiện Hữu Thái tử nhận lời mời của Long Vương. Sau bảy ngày, Long Vương đưa viên ngọc Ma Ni Bảo châu biếu Thái tử. Nhận ngọc rồi, Thái tử từ biệt Long Vương để trở về cõi Diêm Phù Đề. Lúc đó Đại Hải Long Vương sai các Long thần tiến đưa Thái tử bay trên hư không mà đi, nên chẳng bao lâu đã đến bờ biển cõi Diêm Phù Đề.

Khi tới nơi, Thiện Hữu Thái tử gặp em là Ác Hữu, mừng rỡ hỏi rằng :

- Những người đồng hành hiện nay ở đâu ?

Ác Hữu Thái tử đáp :

- Thưa anh, thuyền chúng em bị đắm và tất cả mọi người đều chết, duy còn em, nhờ bám chặt lấy một tử thi dạt vào đây nên mới sống sót, của báu mất hết, không còn một vật gì.

Thiện Hữu Thái tử nói :

- Ở đời có của báu nào đáng trọng hơn cái thân ta ? Của báu tuy mất nhưng em được sống sót, thế là quý lắm rồi.

Ác Hữu Thái tử nói :

- Không phải thế. Người ta chẳng thà chết trong cảnh giàu có còn hơn là sống trong cảnh nghèo khổ.

Thiện Hữu nói :

- Ai nói như vậy ?

Ác Hữu trả lời :

- Em đã từng đến chỗ tha ma và được nghe ma quỷ nói như thế.

Thiện Hữu Thái tử bản tính thật thà, mới đem chuyện nói thực với Ác Hữu nghe :

- Tuy em mất hết của báu, nhưng đừng có lo, anh đã được viên ngọc Như Ý Ma Ni Bảo châu của Vua Long Vương đây rồi.

Ác Hữu hỏi :

- Thế anh để ở đâu ?

Thiện Hữu trả lời :

- Anh kết trong búi tóc.

Nghe xong, Ác Hữu sinh lòng ghen ghét, lo buồn áo não, liền tự nghĩ rằng : "Xưa nay, cha mẹ ta thường thiên vị, thương yêu Thiện Hữu hơn ta, nay Thiện Hữu lại được Ma Ni Bảo châu

đem về, thì chắc cha mẹ sẽ thương yêu gấp bội mà ghét bỏ ta như thấy gai góc."

Nghĩ như thế rồi, Ác Hữu mới nói với anh :

- Được viên ngọc ấy thì quý lắm. Giữa khoảng đường này, phải nên giữ gìn cẩn thận.

Bấy giờ Thiện Hữu, giơ viên ngọc ở trong búi tóc ra, đưa cho Ác Hữu xem và dặn rằng :

- Khi nào em mệt mà ngủ thì anh canh giữ ; nếu anh mà ngủ thì em phải trông chừng.

Khi Thiện Hữu ngủ, đến lượt Ác Hữu giữ ngọc, thì Ác Hữu liền dùng hai thanh trúc nhọn đâm vào mắt anh rồi cướp ngọc mà chạy. Bấy giờ Thiện Hữu tri hô lên và gọi em bảo rằng :

- Ác Hữu ! Ác Hữu ! Kẻ cướp đến đâm vào mắt anh mà lấy ngọc.

Nhưng không thấy Ác Hữu trả lời. Thiện Hữu càng lo sợ, buồn rầu và kêu to lên rằng : "Có lẽ em ta đã bị cướp giết mất rồi". Tiếng kêu thảm thiết động đến quỷ thần. Lúc đó thần cây thương tình, đến báo cho Thiện Hữu biết rằng :

- Em nhà ngươi là Ác Hữu, chính là kẻ cướp đã đâm vào mắt ngươi để đoạt lấy viên ngọc mà đi rồi. Nay nhà ngươi còn gọi Ác Hữu làm gì cho tốn hơi mệt sức.

Nghe thần cây nói thế, Thiện Hữu Thái tử buồn bã nghẹn ngào, sầu đau khổ óc não.

Nói về Ác Hữu Thái tử, khi cướp được viên ngọc Bảo châu rồi, trở về bản quốc, ra mắt Phụ Vương, dâng viên ngọc quý mà tâu rằng :

- Tâu Phụ vương, con nhờ có phúc đức mà được sống sót,

Thiện Hữu Thái tử và những người đồng hành vì bạc phúc nên đã bỏ mạng ngoài khơi.

Vua và các Phu nhân nghe Ác Hữu nói như thế liền cất tiếng than khóc, vật vã buồn rầu quá đến ngất lặn ra đất. Người chung quanh lấy nước lạnh rửa mặt cho vua, hồi lâu mới tỉnh. Lúc đó Vua và Phu nhân hỏi Ác Hữu rằng :

- Làm thế nào mà người có thể đem được viên ngọc này về ?

Nghe vua hỏi, Ác Hữu thấy lòng quặn đau, đứt từng khúc ruột, không nói nên lời. Bèn đem viên ngọc chôn ở trong vườn.

Còn về phần Thiện Hữu Thái tử, sau khi bị đâm vào hai mắt trở nên mù lòa, đi lại rờ rẫm, không còn biết đường lối nữa. Đương lúc đau khổ, lại thêm đói khát, cầu sống cũng khó, mà mong chết cũng không được. Cứ

thế lần mò đi mãi, Một ngày kia, đến nước của Vua Lợi Sư Bạt. Vua Lợi Sư Bạt trước đã hứa với Vua Ba La Nại sẽ gả con cho Thiện Hữu Thái tử.

Vua Lợi Sư Bạt mượn một người chăn bò tên là Lưu Chinh để chăn dắt một đàn bò gồm năm trăm con. Hôm ấy, vì quá mỏi mệt, lại không thấy lối đi, nên Thiện Hữu Thái tử mới ngồi xuống giữa đường. Lúc đó, đàn bò giành nhau chạy tới, con đầu đàn liền đứng lại, án ngang Thiện Hữu khiến cho những con khác không thể dẫm phải. Sau khi đàn bò qua hết con đầu đàn mới đi. Nhưng nó đi được vài bước lại quay đầu trở lại, rồi lấy lưỡi liếm hai mắt của Thái tử để nhổ hai thanh trúc nhọn ra.

Bấy giờ, người chăn bò từ phía sau đi tới, thấy Thiện Hữu ngồi giữa đường, hỏi rằng :

- Ông là ai ?

Thiện Hữu tự nghĩ : "Nếu ta thuật lại tất cả các việc đã xảy ra, thì chắc chắn em ta sẽ bị khổ." Nghĩ xong, liền trả lời người chặn bò :

- Tôi là một kẻ mù lòa, đi ăn xin.

Nhưng người chặn bò thấy kẻ ăn mày có một tướng mạo khác thường mới bảo rằng :

- Nhà tôi gần, mời ông hãy vào, tôi xin cấp dưỡng.

Rồi người chặn bò đưa Thiện Hữu về nhà, sắp các thức ăn uống đầy đủ và dặn mọi người trong nhà rằng :

- Các người hãy săn sóc, hầu hạ người này cũng như săn sóc ta vậy.

Cứ như thế, được hơn một tháng thì người nhà bắt đầu chán ngán và nói với nhau

rằng : "Nhà mình không được dư dật, làm thế nào có thể cung phụng người mù này mãi được."

Nghe những lời nói ấy, Thiện Hữu thấy lòng buồn bã, thao thức suốt đêm, đến sáng hôm sau, liền nói với người chủ nhà (người chăn bò) :

- Nay tôi muốn đi.

Người chăn bò hỏi :

- Có điều gì không được vừa ý, mà ông muốn đi.

Thiện Hữu trả lời :

- Không có điều gì cả, vì thực tình tôi không dám làm phiền ông mãi. Nếu ông có lòng thương tôi, xin ông làm ơn cho tôi một cây đàn tranh, rồi đưa tôi đến một thành, ấp, hoặc thôn, xã nào có đông dân cư để tôi lần hồi kiếm ăn.

Người chủ nhà đành phải theo ý muốn của Thiện Hữu và

sau khi đã mua cho Thiện Hữu một cây đàn tranh, dất Thiện Hữu đến thành Vua Lợi Sư Bạt, nơi nhiều dân chúng nhất, rồi trở về nhà.

Thiện Hữu có tài gảy đàn tranh âm thanh trầm bổng, du dương làm cho ai nghe cũng phải say mê, ngây ngất. Do đó tất cả mọi người kể ít người nhiều, gom góp để cung cấp cho Thiện Hữu đầy đủ cơm ăn áo mặc, không phải đói rách. Không những thế, mà Thiện Hữu lại còn dư dật để cấp dưỡng cho năm trăm hành khất trên khắp các nẻo đường trong thành Vua Lợi Sư Bạt đều được no đủ.

Nhà vua có một khoảnh vườn trái cây rất xanh tốt, thường bị chim chóc phá tán. Người coi vườn mới bảo Thiện Hữu rằng :

- Nếu ông vui lòng đuổi chim chóc cho tôi, tôi sẽ cung dưỡng ông đầy đủ.

- Tôi là người mù, làm sao đuổi chim chóc được ?

Người coi vườn nói :

- Tôi đã có cách. Tôi sẽ buộc những chiếc khánh nhỏ vào lưới, rồi giăng lên ngọn cây, ông ngồi dưới gốc cây, khi nào nghe tiếng chim kêu, thì ông chỉ việc giật những đầu dây là đủ.

Thiện Hữu trả lời :

- Như thế thì tôi có thể làm được.

Rồi người coi vườn dắt Thiện Hữu đến ngồi dưới gốc cây, dặn dò rồi đi. Trong khi ngồi rồi, Thiện Hữu lấy đàn dạo chơi, cho khuây khỏa. Lúc đó con gái Vua Lợi Sư Bạt cùng các thị tỳ vào vườn thưởng ngoạn. Nghe tiếng đàn vắng vắng, công chúa

nhìn về phía gốc cây thì thấy một người mù. Công chúa đến nơi, hỏi rằng :

- Ông là ai ?

Thiện Hữu trả lời :

- Tôi là một kẻ hành khất mù lòa.

Công chúa nghe rồi, sinh lòng thương mến, không muốn xa lìa. Vua sai người ra tìm, nhưng Công chúa nhất định không về, lại bảo thị tì :

- Hãy về mang cơm ra đây cho ta.

Người hầu đem cơm đến, Công chúa cùng người mù ăn uống xong, rồi về tâu Vua rằng :

- Xin Phụ vương cho con được chung sống với người mù này, cho được mãn nguyện của con.

Vua Lợi Sư Bạt nói :

- Con là người điên hay bị ma làm hay sao mà lại đi sống chung với một người mù ? Con không biết rằng trước đây cha mẹ đã hứa gả con cho Thái tử Thiện Hữu, con Vua Ba La Nại sao ? Hiện nay Thiện Hữu xuống biển tìm châu chươ về mà con lại đòi làm vợ người mù là lẽ gì ?

Công chúa trả lời :

- Mặc dầu thế, nhưng thà chết thì thôi, chứ con nhất định không thể xa lìa được.

Nghe con nói một cách quả quyết như thế, nhà Vua cũng không dám làm trái ý con, đành phải sai người đưa người mù về một căn phòng vắng vẻ rồi đóng cửa lại. Lúc đó Công chúa mới đến chỗ người mù, nói rằng :

- Chàng biết không, nay thiếp muốn cùng chàng kết nghĩa vợ chồng ?

Thiện Hữu nói :

- Nàng là con gái nhà ai mà muốn cùng tôi kết duyên chồng vợ ?

Công chúa trả lời :

- Thiếp là con Vua Lợi Sư Bạt.

Thiện Hữu nói :

- Nàng là công chúa con Vua mà tôi chỉ là một kẻ hành khất mù lòa, làm sao ăn ở với nhau được ?

Công chúa trả lời :

- Thiếp sẽ hết lòng cung kính và phụng dưỡng chàng, không dám trái ý.

Sau khi sống chung với nhau được ba tháng, một hôm, công chúa có việc cần phải đi mà không cho chồng biết, mãi đến chiều mới về. Khi đến nhà, Thiện Hữu trách :

- Nàng lén lút ra ngoài mà không cho tôi biết. Đi mãi đến giờ mới về ?

Công chúa trả lời :

- Thiếp không lén lút.

Thiện Hữu nói :

- Lén lút hay không, ai mà biết được.

Công chúa buồn rầu, khóc lóc suốt mướt, mới thề nguyện rằng :

- Nếu thiếp có hành động lén lút thật, thì xin cho hai mắt chàng cứ mù như thế mãi, bằng không thì xin cho một mắt của chàng trở lại sáng suốt như xưa.

Vừa thề nguyện xong, thì một mắt của Thiện Hữu bỗng chớp chớp rồi mở bừng như xưa, xanh biếc, sáng quắc, như một vì sao lấp lánh giữa khoảng trời xanh ! Bấy giờ được thấy công chúa. Công chúa mới hỏi :

- Thế nào, chàng có tin thiếp không ?

Thiện Hữu mỉm cười, Công chúa nói tiếp :

- Chàng thật vô ơn. Thiếp là con gái của một vị Đại Vương mà chàng chỉ là một người hèn hạ, thiếp đã hết lòng phụng sự mà chàng không tin thiếp.

Thiện Hữu nói :

- Nàng không biết tôi là ai ?

- Chàng là một người hành khất, chứ còn ai ? Công chúa trả lời.

- Không phải. Tôi là Thiện Hữu Thái tử, con Vua Ba La Nại.

Công chúa nói :

- Chàng thật ngu si, điên dại, sao chàng dám nói như thế ? Thiện Hữu Thái tử, con Vua Ba La Nại xuống biển tìm châu chươ về, chàng dám nhận mình

là Thiện Hữu, ăn nói càn dỡ
thiếp không tin được.

Thiện Hữu nói :

- Tôi từ thuở nhỏ đến giờ,
chưa từng nói dối.

Công chúa nói :

- Dù thật hay dối, ai mà tin
được.

Thiện Hữu nói :

- Nếu tôi nói dối nàng thì còn
một mắt tôi cứ mù mãi mãi,
nhược bằng tôi nói thật thì
khiến cho mắt đó bình phục lại
như trước cho nàng chứng kiến
lời nói của tôi.

Vừa nói dứt lời, thì mắt kia
của Thiện Hữu trở lại sáng
suốt như xưa, không khác. Khi
hai mắt Thiện Hữu bình phục
thì diện mạo sáng suốt, thân
hình đầy đủ, đẹp đẽ tuyệt vời,
không ai sánh kịp. Công chúa
thấy thế, lòng sinh vui mừng,

như thấy Hiền Thánh, nhìn khắp thân thể mắt không muốn chớp, vội vàng vào cung tâu với Phụ vương :

- Tâu Phụ vương, chồng con đây chính là Thiện Hữu.

Vua nói :

- Người là người si mê, điên cuồng, bị ma quỷ ám ảnh nên mới dám nói thế. Thiện Hữu Thái tử xuống biển tìm châu chưa về, nay người lại nhận kẻ hành khất kia là Thái tử.

Công chúa trả lời :

- Tâu Phụ vương, con không dám nói dối. Xin Phụ vương hãy dời gót ngọc đến xem.

Nghe con mình nói chắc như thế, nhà Vua cũng muốn ra xem coi thực hư thế nào. Quả nhiên, khi nhìn thấy, nhà Vua nhận ngay ra Thiện Hữu Thái tử. Lòng thấy bối rối, nhà Vua tự

ngĩ : "Nếu Vua Ba La Nại được biết chuyện này, sẽ trách ta không ít." Nghĩ rồi liền xin lỗi Thiện Hữu Thái tử, nói rằng :

- Quả thật Trẫm không biết.

Thái tử Thiện Hữu nói :

- Xin Phụ vương hãy vì con mà ban thưởng cho người chăn bò.

Vua Lợi Sư Bạt liền lấy vàng bạc, lương thực và y phục thưởng cho người chăn bò và cho luôn cả năm trăm con bò. Người chăn bò mừng rỡ và khen ngợi không xiết. Lại tự nghĩ rằng : "Ân nghĩa của ta đối với Thiện Hữu Thái tử không đáng bao nhiêu mà Thái tử đền đáp trọng hậu như thế này, thật ta không xứng đáng !" Nghĩ rồi, đứng giữa công chúng mà nói to lên rằng :

- Ở đời, hễ gieo nhân thì hưởng quả. Mà cái quả báo của

sự bố thí thật lớn lao không thể nghĩ bàn.

Lúc đó không biết bao nhiêu người thấy thế lòng sinh vui mừng, sung sướng và đều phát tâm bố thí để cứu khổ hết thảy, cầu chứng đạo quả thành Phật.

Bấy giờ trên hư không, các Thiên thần khen ngợi và tán thán đại chúng mà nói rằng :

- Quý hóa thay ! Quý hóa thay ! Đúng như vậy !

Lại nói về Thiện Hữu Thái tử, khi chưa xuống biển tìm châu, lúc ở trong cung có nuôi một trăm con chim nhạn. Thái tử rất quý chúng và tự tay cho chúng ăn uống. Một hôm Mẫu hậu đến chỗ chim nhạn và nói với chúng rằng :

- Khi Thái tử còn ở nhà, thường thương yêu chăm sóc các người nay Thái tử xuống

biển chưa về, không biết sống chết thế nào, vậy các người có thương nhớ Thái tử không ?

Nghe Mẩu hậu nói, đàn chim nhận cất tiếng kêu ai oán, thảm sâu, rồi làm ra hiệu như muốn được đi tìm Thái tử. Bấy giờ Mẩu hậu viết thư buộc vào cổ chim nhận. Nhận vỗ cánh tung bay, lượn trên không một vòng qua cung điện, rồi nhắm thẳng phía biển bay đi. Mẩu hậu thấy thế, sinh lòng tin tưởng, chắc chắn phen này sẽ được biết tin tức con mình, sống chết ra sao.

Chim bay ra biển, tìm khắp đó đây, không thấy Thái tử, mới quay trở về đất liền. Khi bay qua nước Vua Lợi Sư Bạt, thì xa xa trông thấy Thái tử đang ngồi ở trước cung điện nhà Vua, chim liền đáp xuống, đến trước Thái tử, líu lo vui mừng. Thái tử cầm lấy phong thư, cung

kính mở ra, đọc xong mới biết, Phụ Vương và Mẫu hậu đêm ngày than khóc, nhớ thương Thái tử, đến nỗi hai mắt mờ đi. Đoạn Thái tử viết thư thuật lại cho Phụ Vương và Mẫu hậu biết tất cả những sự việc đã xảy ra, rồi lại buộc vào cổ chim nhạn, khiến đem về dâng cho Phụ Vương và Mẫu hậu. Chim nhạn sung sướng băng mình theo gió, không lâu đã về đến nước Ba La Nại.

Phụ vương và Mẫu hậu được thư của Thái tử, vui mừng khôn xiết. Xem thư xong, mới biết Thái tử bị em là Ác Hữu hãm hại để đoạt lấy ngọc Ma Ni Bảo châu. Trong cơn đau đớn, khổ não, nhà Vua liền hạ lệnh bắt Ác Hữu Thái tử, gông cùm, rồi giam vào ngục tối. Đoạn sai sứ sang nói với Vua Lợi Sư Bạt rằng :

- Sao Bệ hạ cứ giữ Thái tử khiến chúng tôi phải buồn khổ ?

Bấy giờ Vua Lợi Sư Bạt vội vàng cho người sắp đặt xe ngựa, và hành trang, rồi cử một đoàn hộ tống, kéo cờ xí, nổi âm nhạc mà tiến đưa Thái tử và Công chúa về nước Ba la Nại.

Được biết tin Thái tử trở về, Phụ Vương và Mẫu hậu vô cùng sung sướng, cưỡi voi lớn, khởi ca nhạc, đốt trầm hương, treo cờ xí, ra tận ngoài xa mà đón rước Thái tử. Nhân dân trong nước, lớn, bé, già trẻ, nghe tin Thái tử trở về bình an, vui mừng khôn xiết, cùng ra đón rước.

Khi đến nơi Thiện Hữu Thái tử đến trước cha mẹ, cúi đầu đĩnh lễ Phụ Vương và Mẫu hậu, vì mắt đã mờ, không trông rõ hình dung của Thái tử, bèn lấy tay sờ người Thái tử hỏi rằng :

- Người có phải là con ta, Thiện Hữu Thái tử đây không ? Cha mẹ thương nhớ con và lo buồn quá mới đến nỗi thế này.

Thiện Hữu Thái tử làm lễ, thăm hỏi cha mẹ xong, mới quay lại cảm tạ các quân thần và nhân dân trong nước, rồi cho họ giải tán.

Bấy giờ Thiện Hữu Thái tử tâu Phụ Vương rằng :

- Em con là Ác Hữu hiện giờ ở đâu ?

- Con không nên nhắc đến con người độc ác ấy nữa. Hiện nay nó đang bị giam trong ngục tối, không thể buông tha được. Vua trả lời với Thái tử Thiện Hữu.

Thiện Hữu Thái tử nói :

- Xin Phụ vương hãy phóng thích Ác Hữu cho anh em con được gặp nhau.

Thiện Hữu xin Vua ba bốn lần, Vua mới bằng lòng cho mở cửa ngục và đưa Ác Hữu tới. Lúc đó Ác Hữu, tay chân bị xiềng xích, cổ phải mang gông, đến gặp Thiện Hữu. Thiện Hữu thấy thế, liền xin cha mẹ cho phép được tháo gông cùm, xiềng xích cho em, rồi ôm lấy Ác Hữu dùng lời thân mật, thương yêu mà hỏi rằng :

- Em có một nhọc lăm không ? Em đã mang hộ viên ngọc Bảo châu về cho anh, hiện giờ em để ở đâu ?

Hỏi như thế đến ba lần, Ác Hữu mới nói :

- Chôn ở trong vườn ấy.

Thiện Hữu Thái tử sai người ra vườn đào lấy viên ngọc, rồi đến trước cha mẹ, quỳ xuống, thắp hương và chú nguyện rằng :

- Nếu ngọc này nếu thật là Như ý bảo châu, hãy làm cho hai mắt cha mẹ ta trở lại sáng suốt như xưa.

Vừa nói chú nguyện xong, thì mắt của nhà Vua và Hoàng hậu bình phục. Lúc đó cha mẹ được nhìn thấy mặt con, lòng thấy vô cùng sung sướng, xiết nổi vui mừng.

Sáng sớm hôm sau, nhằm ngày mười lăm, Thiện Hữu Thái tử tắm gội sạch sẽ, thay y phục mới, lên trên lầu cao, thắp hương lễ bái viên ngọc Như ý Bảo châu mà phát nguyện rằng :

- Ta vì hết thầy chúng sinh ở cõi Diêm Phù Đề, đã phải chịu bao nhiêu tâm khổ mới cầu được viên ngọc Bảo châu này. Ta nguyện rằng : hết thầy chúng sinh, nhờ ngọc Bảo châu này, từ nay không còn phải thiếu thốn,

khổ sở nữa, đều được đầy đủ yên vui.

Bấy giờ một cơn gió lớn từ phương đông thổi đến, đánh tan mây mù, bầu trời trở nên quang đãng, sáng sủa ; tất cả những vật như bần, rác rưởi hôi thối ở cõi Diêm Phù Đề đều cùng tan biến, theo làn gió cuốn. Rồi nhờ sức nhiệm mầu của viên ngọc Ma ni Bảo châu, một trận mưa trút xuống khắp cõi Diêm Phù Đề. Tất cả các sông ngòi, ao, hồ, hào, rạch, đều tràn ngập thóc gạo, và các thức mỹ vị thơm ngon. Sau lại mưa xuống các thứ y phục thượng hảo và khuyên vàng, vòng xuyên. Sau cùng mưa xuống vàng bạc, bảo báu, và các nhạc cụ. Nói tóm lại, hết thấy những thứ chúng sinh cần dùng, đều được sung túc.

Bồ Tát vì phát tâm đại từ bi, tu hạnh bố thí, cấp dưỡng hết

thấy chúng sinh, khiến cho đều được đầy đủ yên vui, là như thế đó.

Phật bảo Ngài A Nan :

- Vua Ba la Nại bấy giờ nay là Phụ Vương của ta ; Mẫu hậu bấy giờ, nay là Thân mẫu ta, Ma Gia Phu nhân, Ác Hữu Thái tử này là Đề Bà Đạt Đa, còn Thiện Hữu Thái tử nay chính là ta, Thích Ca Như Lai vậy. Nay ông A Nan ! Ở kiếp quá khứ, Đề Bà Đạt Đa thường mang ác tâm hại ta như thế, mà ta vẫn lấy lòng từ bi nhấn nhục, cứu khổ ban ơn, phương chi ngày nay ta đã thành Phật.

Khi Phật nói pháp này, có trăm nghìn người chứng được quả Tu Đà Hoàn cho đến quả A La Hán. Lại có trăm nghìn người phát tâm A lốc Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề, cho đến vô lượng trăm nghìn chúng sinh

đều phát tâm Thanh Văn và Tâm Bích Chi Phật.

Bấy giờ ngài A Nan bạch Phật rằng :

- Bạch Thế Tôn, kinh này nên gọi là gì, và chúng con phải phụng trì như thế nào ?

Phật nói :

- Kinh này gọi là : Kinh Phật Báo Ân Phương Tiện Cấp Túc Nhất Thiết Chúng Sinh.

Đại chúng nghe Phật nói rồi, vui mừng làm lễ lui ra.

*

Lại nữa, Đề Bà Đạt Đa tuy được theo Phật xuất gia, nhưng lòng ghen ghét sâu nặng, chỉ cầu danh lợi, nên dù có đọc tụng rất nhiều kinh điển, nhưng cũng không thoát được tội khổ trong địa ngục A Tỳ. Đề Bà Đạt Đa kết bạn thân với

Thái tử A Xà Thế, hai người rất thương yêu và tin cậy nhau. Một hôm, Đề Bà Đạt Đa bảo Thái tử A Xà Thế :

- Anh hãy lên làm Vua đi, và tôi sẽ làm Phật.

- Việc đó không thể được vì Vua cha hãy còn.

- Anh phải tìm cách giết Vua cha và tôi sẽ toan mưu hại Phật, rồi sau, anh lên làm tân Vương, tôi sẽ làm tân Phật, cùng chung giáo hóa chúng sinh, thế có khoái không ?

Thái tử A Xà Thế nghe lời xúi dục của Đề Bà Đạt Đa, mới về giết cha, rồi lên làm Vua nước Ma Kiệt Đà.

Bấy giờ Đề Bà Đạt Đa nói với Vua A Xà Thế rằng :

- Nay tôi muốn giết Phật để lên làm Phật.

- Phật có nhiều thần thông, biết trước việc chúng ta đã nghĩ gì rồi, vậy làm thế nào giết được ? Hơn nữa, Phật còn có các vị đại đệ tử ở bên cạnh, như : Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên và A Nâu Lâu Đà v.v...

- Đại vương hãy cố giúp tôi.

Thái tử A Xà Thế nói :

- Giúp bằng cách nào ?

Đề Bà Đạt Đa trả lời :

- Đại vương phải ra lệnh cấm, không ai được cúng dàng thức ăn áo mặc cho các Tỷ Khưu.

Lúc đó A Xà Thế Vương truyền lệnh rằng :

- Nếu ai cúng dàng thức ăn áo mặc cho các Tỷ khưu, sẽ bị chặt chân tay.

Khi ấy Phật và các đệ tử đang ở trong núi Kỳ Xà Quật.

Sau khi lệnh nhà Vua được truyền đi, không ai dám cúng dàng Phật, cho nên Phật và các vị đệ tử đi khát thực đều trở về không, cứ như thế cho đến bảy ngày. Lúc đó ngài Xá Lợi Phất, và các vị đại đệ tử phải dùng thần thông, đến các phương khác để khát thực. Bấy giờ Đề Bà Đạt Đa nói với vua A Xà Thế rằng :

- Nay các đại đệ tử Phật đều đi vắng, chỉ có một mình Như Lai ở nhà, Đại vương hãy cho người đến thỉnh Phật vào cung cúng trai. Một mặt cho năm trăm con voi đen hung dữ uống rượu thật say, nếu Phật nhận lời mời mà vào thành, lúc đó thả đàn voi say ra cho chúng giày chết.

A Xà Thế Vương nghe theo kế ấy, liền cho người đến thỉnh Như Lai. Phật nhận lời mời của

nhà Vua rồi cùng năm trăm vị La Hán tiến vào thành Vương Xá. Lúc đó A Xà Thế sai thả năm trăm con voi say ra, chúng hung hăng xông đột, thối thì cây gãy, tường xiêu, cát tiếng gầm thét, nhắm thẳng phía Như Lai mà chạy tới. Khi ấy năm trăm vị La Hán sợ hãi quá bèn bay lên hư không, quyet quanh phía trên Phật, còn A Nan thì bám chặt lấy Như Lai, lo sợ không thể nào được. Như Lai liền vận dụng sức từ bi, giơ tay phải lên, rồi từ năm đầu ngón tay, phóng ra năm con sư tử lớn, há miệng gầm rống, năm trăm con voi say, kinh hoàng, ngã vật ra đất.

Bấy giờ Đại chúng vây quanh Như Lai, tiến vào cung. Vua A Xà Thế Vương liền ra đón rước, thỉnh Phật an tọa, rồi cầu xin sám hối, mà bạch Phật rằng :

- Bạch Thế Tôn ! Đó không phải là lỗi tại tôi, mà chính tại Đè Bà Đạt Đa vậy.

Phật nói :

- Đại Vương, tôi cũng biết thế, không những ở kiếp này Đè Bà Đạt Đa cũng thường mang ác tâm mà hủy hại tôi, nhưng nhờ sức từ bi, tôi đều được an toàn.

A Xà Thế Vương chấp tay bạch Phật rằng :

- Bạch Thế Tôn, trong kiếp quá khứ, Đè Bà Đạt Đa hủy hại Như Lai, việc đó như thế nào ?

Phật bảo A Xà Thế :

- Hãy nghe cho kỹ ! Tôi sẽ vì Đại Vương mà nói rõ việc ấy. Cách đây không biết bao nhiêu kiếp, có một ông Vua chỉ thích ăn thịt chim nhạn. Nhà Vua sai một người chuyên đi thả lưới bắt chim. Lúc ấy, một đàn năm trăm chim nhạn từ phương Bắc

bay qua phía Nam, con đầu đàn rủ ro sa lưới. Người đánh bẫy vui mừng, từ trong khóm lá chạy ra vồ lấy con nhạn. Khi đó một con nhạn khác, kêu than thảm thiết, quanh quẩn không bay đi. Người đánh bẫy liền giương cung bắn, không những không sợ cung tên, mà con nhạn ấy còn đáp xuống rồi lăn vào con nhạn đầu đàn. Còn bầy nhạn trên không cũng bồi hồi lui tới, nhất định không bay đi. Người đánh bẫy thấy con nhạn kêu than thảm thiết, miệng trào ra máu, mới tự nghĩ rằng : "Loài chim muông mà còn biết thương mến nhau, đến nỗi không tiếc thân mệnh như thế này, sao ta lại có thể nhẫn tâm giết hại chúng được ?". Nghĩ như thế rồi, liền mở lưới thả chim nhạn ra. Sau khi được thả, hai con nhạn cất tiếng kêu vui mừng, vỗ cánh bay lên, rồi cùng

với bầy nhạn trên không, quán quít lấy nhau mà bay đi.

Bấy giờ người đánh bầy về tàu Vua rằng :

- Tàu Bệ Hạ ! Hôm nay thần bầy được một con nhạn đầu đàn, lẽ phải đem về dâng Bệ Hạ, nhưng một con nhạn khác, kêu than thảm thiết, đến trào máu miệng, không sợ cung tên, bồi hồi không đi. Thần thấy cảnh ấy, mủi lòng, thương xót, liền thả chúng ra. Khi được thả ra, nhạn liền ca hát vui mừng, rồi cùng bầy nhạn, quán quyen với nhau mà bay đi.

Nghe xong, nhà Vua tỏ vẻ buồn thảm, tự nghĩ : "Loài chim thú mà còn biết thương yêu, che chở nhau như thế ."

Nghĩ rồi, liền phát từ tâm và từ đó nhà Vua thề không ăn thịt nhạn và không sai bắt chim nữa.

Đại Vương nên biết, nhà Vua bấy giờ, nay chính là Đại Vương vậy ; người bấy chim bấy giờ, nay là Đề Bà Đạt Đa ; con nhận kêu thương thảm thiết đến trào máu miệng, nay là A Nan ; bầy nhận trên không nay là năm trăm vị La Hán, còn con nhận đầu đàn bấy giờ chính là thân Như Lai vậy. Hôm nay đây, A Nan thấy lòng thương xót, lưu luyến Như Lai cũng như xưa, không khác, còn năm trăm vị La Hán bay lên hư không cũng như bầy nhận xưa vậy. Đề Bà Đạt Đa lúc nào cũng muốn làm hại Như Lai, nhưng nhờ sức từ bi, Như Lai thường được an ổn.

Khi Phật nói pháp ấy, thì trăm nghìn người chứng quả Tu Đà Hoàn cho đến quả A La Hán, hoặc phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Cho

đến tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật.

*

Lại nữa, Đề Bà Đạt Đa ác tâm không dứt, chỉ muốn tìm cách hại Phật, mới tự nghĩ rằng : "Nay ta phải nuôi móng tay cho dài, khiến cho thật sắc, lấy thuốc độc nhét vào trong, rồi đến chỗ Như Lai, giả vờ vào lễ chân Phật, lúc đó dùng mười móng tay cào cấu chân Phật, cho thuốc độc ngấm vào thì chắc Phật phải chết." Nghĩ xong, Đề Bà Đạt Đa nhất định làm theo kế ấy. Ít lâu sau, Đề Bà Đạt Đa đến chỗ Như Lai, vào lễ chân Phật, rồi cào cấu thật mạnh, nhưng thuốc độc biến thành cam lộ, nên thân Như Lai không hề đau đớn.

Lại nữa, Đề Bà Đạt Đa vẫn chưa toại nguyện, rồi lại tự nghĩ : "Hôm nay Như Lai đang ngồi dưới chân núi Kỳ Xà Quật, ta hãy lên đỉnh núi, lấy một tảng đá lăn xuống để giết Phật." Nghĩ xong liền lên đỉnh núi, lăn đá xuống làm cho ngón chân Như Lai bị thương, nhưng ta lấy lòng từ bi, coi kẻ oán, người thân đều bình đẳng.

Lại nữa, ở đời quá khứ xa xưa, cách đây không biết bao nhiêu kiếp, bấy giờ có một vị Phật ra đời, hiệu là Ứng Cúng, Ứng Hiện Như Lai, Chính Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Sau khi Đức Phật ấy nhập diệt, trong đời tượng pháp, có một vị Tỷ khưu, ngồi thiền định một mình trong rừng. Tỷ khưu

thường có con rận, sợ nó xúc não trong khi ngồi thiền, mới giao ước với rận rằng :

- Lúc ta ngồi thiền, người phải lặng lẽ, nằm yên một chỗ, không được xúc não.

Con rận tuân theo. Một lúc sau có con vắt đến bên, hỏi con rận rằng :

- Sao mà thân thể chú béo tốt thế kia ?

Rận đáp :

- Tôi sống nhờ ông chủ đây, ông thường tu thiền định, và bảo tôi ăn uống có giờ giấc, tôi làm theo, nên thân thể mới được béo tốt, đẹp đẽ như thế này.

- Tôi cũng muốn làm theo chú, có được không ?

- Tùy ý bác.

Thế là con vắt bám chặt lấy vị Tỷ khưu đang ngồi thiền mà

hút máu. Lúc đó vị Tỷ khưu thấy lòng phiền não, liền cởi áo ra và đốt ngay đi.

Phật nói :

- Vị Tỷ khưu tọa thiền bấy giờ nay là Đại Ca Diếp, con vắt này là Đê Bà Đạt Đa, còn con rận này là thân ta vậy.

Xưa kia, vì lợi dưỡng mà Đê Bà Đạt Đa muốn làm hại ta, cho đến ngày nay ta đã thành Phật, cũng vì ham danh lợi, mà Đê Bà Đạt Đa làm cho thân Phật chảy máu, nên mặc dầu đang còn sống mà phải đọa vào địa ngục. Đê Bà Đạt Đa thường mang lòng thâm độc, hủy hại Như Lai, nếu nói cho đầy đủ việc đó, thì cùng kiếp cũng không hết được. Thế mà lúc nào ta cũng đem lòng tử bi, thương xót Đê Bà Đạt Đa, vì chính ta thường gặp Đê Bà Đạt Đa nên mới chóng chứng đạo

Bồ Đề. Bởi nhớ trọng ơn ấy nên ta thường đem lòng tha thứ.

Bấy giờ đức Như Lai liền sai A Nan đi đến địa ngục, để thăm hỏi, Đề Bà Đạt Đa xem chịu khổ thế nào. A Nan phụng mệnh ra đi. Khi đến ngoài cửa địa ngục, A Nan nói với viên cai ngục là ngư đầu A Bàn rằng :

- Xin gọi hộ tôi Đề Bà Đạt Đa.

- Ngài muốn hỏi Đề Bà Đạt Đa nào ? Chư Phật ở quá khứ đều có Đề Bà Đạt Đa.

- Tôi muốn gọi Đề Bà Đạt Đa của Phật Thích Ca Mâu Ni.

Bấy giờ A Bàn vào báo cho Đề Bà Đạt Đa biết là có A Nan đứng ngoài, hiện muốn được gặp. Đề Bà Đạt Đa liền ra và nói với A Nan :

- Mời A Nan hãy vào. Như Lai vẫn còn thương nhớ đến tôi ư ?

- Như lai cho tôi đến hỏi thăm ông có thể chịu được những nỗi thống khổ ở đây không ?

- Tôi ở trong địa ngục A Tỳ này, cũng như một vị Tỷ khưu đã thể nhập được cái thú vui ở cõi trời Tam Thiên.

Phật nói :

- Các bậc đại Bồ Tát, tu các phép Phương tiện để tiếp dắt chúng sinh, thì dù có phải chịu sinh tử và các nỗi thống khổ, cũng không lấy thế làm lo. Nếu ai bảo Đề Bà Đạt Đa thực là kẻ ác nhân, phải đọa địa ngục A Tỳ, thì người đó không hiểu.

Bấy giờ đức Như Lai liền vì đại chúng mà nói rõ cái mật hạnh nhiệm mầu và các phép đại phương tiện, của Đề Bà Đạt Đa. Khi ấy vô lượng trăm nghìn Bồ Tát chứng Vô sinh Pháp nhẫn, vô lượng trăm

ngàn người mở lòng Vô thượng Chính đẳng Chính giác và vô lượng trăm ngàn người chứng quả Tu đà hoàn cho đến quả A La Hán. Từ trên hư không, Thiên Thần mưa các thứ hoa, rải khắp đại chúng, trời thiên kỹ nhạc, phóng ánh sáng lớn, rồi ca ngợi rằng :

- Quý hóa thay, Đức Như Lai nói Pháp chưa từng có vậy !

Khi ấy hết thấy đại chúng nghe Phật nói Pháp xong, sung sướng vui mừng, rồi cúi đầu làm lễ mà lui ra.

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIÊN PHẬT BẢO AN

QUYỂN THỨ NĂM

PHẨM TỪ BI THỨ BẢY

LÚC đó đại chúng vây quanh đức Thế Tôn, cúng dàng, cung kính, tôn trọng tán thán. Khi ấy Đức Như Lai vì muốn cứu chúng sinh khỏi cái khổ trong ba cõi, tiêu trừ năm món phiền não và mười điều ràng buộc, khiến hết thấy chúng sinh đều được giải thoát vào cảnh Niết Bàn yên vui nên Ngài mới mở lòng từ bi sâu xa mà chỉ bày hai thứ ruộng phúc : một là ruộng phúc hữu vi ; hai là ruộng phúc vô vi. Ruộng phúc hữu vi là cha mẹ ; ruộng phúc vô vi là Sư Trưởng, Chư Phật, Pháp, Tăng và các vị

Bồ Tát. Nếu chúng sinh hết lòng phụng dưỡng cúng dàng, sẽ được phúc báo và có thể tiến đến thành đạo Bồ Đề.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo ngài Xá Lợi Phất, các vị đại đệ tử và các hàng Bồ Tát rằng : "Các ông nên biết, chẳng bao lâu nữa Như Lai sẽ vào Niết Bàn". Khi nghe Phật nói như thế, Ngài Xá Lợi Phất cảm thấy thân thể rụng rời, đau đớn như cắt, buồn rầu, thương xót quá đến ngất đi và ngã xuống đất. Người xung quanh lấy nước lạnh rửa mặt cho Ngài, hồi lâu mới tỉnh. Ngài liền đứng dậy, chấp tay, đọc bài kệ ca khen ngợi công đức của Phật rằng :

Phật như nhạc cõi trời,
Nghe không bao giờ chán,
Phật sắp vào Niết Bàn,
Hết thấy đều mất lợi.

Bể sinh tử năm ngả,
Ví như vũng bùn nhơ,
Bị ái dục ràng buộc,
Ngu si không xa lìa.
Kiếp xưa tu chính đạo,
Bố thí không phân biệt
Từ lông mi phóng quang,
Soi tỏ không hạn định,
Mắt tựa ánh trăng rằm,
Chiếu khắp mười phương
cõi,
Khiến chúng sinh trông
thấy,
Hết thấy đều vui mừng

Nói trăm nghìn kệ, tán thán
Phật xong, Ngài Xá Lợi Phất cúi
đầu lễ chân Đức Thế Tôn, nhiều
quanh trăm nghìn vòng, rồi nói
với đại chúng và Thiên, Long,
Quý thần, Nhân, Phi nhân
rằng : "Này các Thiện nam tử !

Lạ thay ! Cõi thế gian này trở thành hư không, khổ thay ! Cõi thế gian này tan biến. Đau đớn thay, cõi thế gian này nguy ngập ! Cây cầu diệu pháp, nay sắp hư hoại cây đạo cao tột, nay sắp gãy nát cột phước diệu bảo, nay sắp nghiêng ngả ; mặt trời Phật Pháp sắp lặn núi đại Niết Bàn gần ngày sụp đổ !"

Đại chúng nghe rồi, lòng sinh sợ hãi, vô cùng kinh ngạc. Mặt trời mờ ám, núi non nghiêng ngả, trái đất rung động. Bấy giờ Ngài Xá Lợi Phất đứng giữa đại chúng, nói bài kệ rằng :

**Tôi thấy thân tướng Phật,
Như núi vàng chói lợi,
Tướng đẹp, đủ uy đức
Danh thơm còn muôn thuở.
Nên siêng tu tinh tiến,
Đề ra ngoài ba cõi,**

Lựa chọn mọi nghiệp lành,
Niết Bàn vui hơn hết.

Đọc bài kệ ấy để an ủi đại chúng rồi, Ngài Xá Lợi Phất vận dụng thần thông, bay lên hư không, hóa thành một nghìn voi báu, đứng quỳện lấy nhau, hướng một nghìn đầu ra ngoài ; mỗi con voi có bảy ngà, trên mỗi ngà có bảy cái ao, trong mỗi ao có bảy bông sen, trên mỗi đài sen có bảy vị hóa Phật, mỗi vị hóa Phật đều có Xá Lợi Phất đứng hầu bên cạnh; mỗi một Xá Lợi Phất phóng ra những luồng ánh sáng lớn, chiếu khắp mười phương vô lượng thế giới để chiêu tập những chúng sinh có duyên với Phật pháp. Khi những chúng sinh đó đến rồi, Ngài Xá Lợi Phất lại hiện ra thân lớn, chật cội hư không, sau lại biến thân nhỏ lại mà nhảy xuống đất ; hoặc lửa trong thân

bốc cháy bùng bùng, hoặc nước trong mình phun ra cuộn cuộn, tràn ngập hư không.

Sau khi đã hiện trăm nghìn vô số các thứ thần biến như thế, Ngài từ trên hư không xuống, đến chỗ đại chúng, thuyết pháp để chỉ dạy những điều lợi ích, yên vui, khiến cho vô lượng chúng sinh mở lòng Bồ Đề. Lại có trăm nghìn người chứng được quả Tu Đà Hoàn cho đến đạo A La Hán và hàng ức triệu người phát tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật. Sau khi làm những việc lợi ích ấy rồi, Ngài Xá Lợi Phất nói với đại chúng rằng : "Tôi sẽ không thể yên lòng mà nhìn Đức Như Lai vào Niết Bàn". Nói xong liền bay lên hư không và dùng lửa thần thông, tự đốt cháy mình mà chứng nhập Niết Bàn trước.

Khi ấy đại chúng nhìn Ngài Xá Lợi Phất, mắt không muốn chớp, lòng sinh thương tiếc, vật vã khóc than, mặt trời lu mờ, trái đất chuyển động. Rồi trăm nghìn đại chúng, thu lượm Xá Lợi, xây tháp cúng dàng, vây quanh Ngài Xá Lợi Phất, đau khổ, sầu thương, lòng sinh mê man, quên mất chính niệm.

Lúc bấy giờ Đức Như Lai dùng sức từ bi hóa làm Xá Lợi Phất đứng giữa đại chúng. Thấy thế, mọi người đều cùng vui mừng, những nỗi buồn khổ tiêu tan, và hết thấy phát tâm Vô Thượng Chính đẳng Chính giác.

Lúc đó, Ngài A Nan, nhờ thần lực của Phật, biết rõ trong lòng mọi người đều có chỗ ngờ vực, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại áo để hở vai bên phải, đầu gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính mà bạch Phật

rằng : "Bạch Đức Thế Tôn, tại sao Ngài Xá Lợi Phất lại vội vàng nhập diệt trước Đức Thế Tôn, khiến cho đại chúng buồn rầu, đau khổ như vậy ?"

Phật bảo Ngài A Nan và đại chúng rằng : "Chẳng những ngày nay ông Xá Lợi Phất mới nhập diệt trước Như Lai, mà ở những kiếp quá khứ xa xưa cũng không nở thấy ta nhập diệt trước". Ngài A Nan bạch Phật rằng : "Bạch Đức Thế Tôn, trong những kiếp quá khứ Ngài Xá Lợi Phất đều nhập diệt trước Phật, vậy việc đó như thế nào, xin Đức Thế Tôn nói cho chúng con rõ." Phật bảo Ngài A Nan : Ông hãy nghe cho kỹ : Cách đây một A tăng kỳ kiếp, bấy giờ có nước gọi là Ba La Nại, Vua nước ấy tên là Đại Quang Minh, làm bá chủ sáu mươi tiểu quốc và tám trăm

thôn xã. Vua Đại Quang Minh vốn có từ tâm, bố thí hết thảy, không trái ý người. Cùng thời ấy, có một ông Vua nhỏ ở nước láng giềng thường mang lòng oán ghét. Vua Đại Quang Minh, hàng tháng cứ đến ngày trai, dùng năm trăm con voi, chở các thứ châu báu, của cải, áo mặc, thức ăn đến một cái chợ lớn và ngoài bốn cửa thành để bố thí cho mọi người. Bấy giờ những nước thù địch và những kẻ oán ghét thấy Vua Đại Quang Minh bố thí tất cả, không trái ý người, liền đua nhau đến lấy các thứ thức ăn, áo mặc, vàng bạc, châu báu đem đi. Khi ấy, ông Vua nhỏ nước láng giềng nghe thấy đức bố thí của Vua Đại Quang Minh, sinh lòng ghen ghét. Ông liền triệu tập quần thần để xem có thể đến nước Ba La Nại xin cái đầu của Vua Đại Quang Minh. Trong đám quần

thần không ai dám lãnh sứ mạng đó. Vua lại truyền lệnh, nói rằng : "Nếu người nào dám sang nước Ba La Nại để xin đầu của Vua Đại Quang Minh thì sẽ được thưởng một nghìn cân vàng". Lúc ấy có một người Bà la Môn xin đi và xin nhà vua cấp đủ lương thực cho cuộc hành trình. Nước ấy cách Ba La Nại hơn sáu nghìn dặm, nhà vua cung cấp đầy đủ hành trang và giục người Bà La Môn lên đường.

Khi người Bà La Môn đến ranh giới nước Ba La Nại, thì đất liền chấn động, chim muông sợ hãi, bỏ chạy tứ tán, mặt trời bị che lấp, mặt trăng thì lu mờ ; các vì tinh tú mất vị trí thường, cầu vồng đỏ, đen, trắng, ngày đêm thường hiện sao băng. Tất cả suối, hồ, ao, giếng trong xứ đều cạn ; hoa quả, cây cối tốt

đẹp xanh tươi đều trở nên khô héo. Lúc người Bà La Môn đến thành Ba La Nại, đứng ở ngoài cửa, thì thần giữ cửa bảo người canh gác rằng : "Người Bà La Môn đại ác này từ phương xa đến, muốn xin đầu Vua Đại Quang Minh, người chớ cho vào". Người Bà la Môn phải ở ngoài cửa thành mất bảy ngày, không thể vào được. Một hôm, y nói với người gác cửa rằng : "Tôi từ phương xa tới đây, muốn được yết kiến nhà Vua". Người gác cửa liền vào tâu Vua : "Tâu Bệ hạ, có một người Bà La Môn từ phương xa đến, muốn được bệ kiến, hiện đang ở ngoài cửa." Vua nghe thấy thế, tức tốc ra đón tiếp, như con được gặp cha. Vua chào mừng trước rồi, hỏi rằng : "Đường xá xa xôi, nay Ngài mới đến, Ngài có mệt mỏi lắm không ?". Người Bà la Môn đáp :

- "Tôi ở phương xa, nghe thấy công đức nhà Vua, bố thí không trái ý người. Thanh danh của Bệ hạ, xa gần đều ca ngợi, thật không ngoa. Bởi thế không quản đường xa, vượt qua sông núi đến đây, tôi muốn xin Bệ hạ một vật."

Vua nói :

- Tôi là người sẵn sàng bố thí tất cả, ngài cần gì, xin cứ cho biết.

Người Bà La môn nói :

- Thực thế sao ? Tôi đến đây chỉ xin cái đầu của Bệ hạ, chớ không cần một vật gì khác cả.

Vua nghe nói thế, liền tự nghĩ rằng, từ vô thủy kiếp đến nay, ta đã bỏ bao nhiêu thân mệnh, nhưng chưa từng bao giờ vì pháp vong thân cả ; lăn lộn trong vòng sinh tử, uống công, mệt trí. Nay cái thân này, đã

thề cùng chúng sinh, cầu đạo Bồ Đề, nếu mà không cho thì trái với bản nguyện của ta. Nếu không đem cái thân này mà bố thí, thì nhờ duyên gì để chúng được đạo quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác ? Tự nghĩ thế rồi, Vua liền nói với người Bà La Môn rằng :

- Được lắm, nhưng hãy cho tôi suy xét một chút để tìm người phó thác ngôi Vua, Phu nhân và Thái tử, sau bảy ngày tôi sẽ dâng đầu biếu Ngài.

Bảy giờ, nhà Vua vào cung báo cho các Phu nhân biết ý định đó và tìm lời an ủi họ rằng : "Ở đời, hết thấy ân ái đều phải có ngày xa lìa, con người có sống thì có chết ; sự nghiệp có thành thì có bại, vạn vật tươi thắm trong mùa xuân, nhưng thu, đông, thì tàn tạ". Phu nhân và Thái tử nghe

những lời ấy rồi nghẹn ngào sẽ hỏi nhà Vua rằng :

- Đại Vương vì lẽ gì lại nói như vậy ?

Vua đáp :

- Có người Bà La Môn từ phương xa đến đây để xin đầu của ta và ta đã hứa cho họ rồi. Phu nhân và Thái tử nghe xong, vật vã than khóc, đầu tóc rối bù, y phục rách nát và tâu Vua rằng :

- Tâu Đại Vương, thân mình là vật đáng quý nhất trên đời, tại sao Đại Vương lại có thể bỏ cái khó bỏ để đem cho người khác ?

Bấy giờ năm trăm vị Đại thần hỏi người Bà La Môn rằng :

- Người dùng cái đầu máu mũ hôi thối này làm gì ?

Người Bà La Môn đáp :

- Tôi chỉ cần xin đầu, hỏi tôi làm chi ?

- Người đến nước ta, ta phải hỏi, và người phải trả lời.

Khi ấy người Bà La Môn cũng muốn nói thật, nhưng lòng sinh sợ hãi, sợ các Đại thần giết chết. Năm trăm Đại thần bảo người Bà La Môn rằng :

- Người đừng sợ hãi, chúng ta sẽ vì Đại Vương mà tha cho người. Người Bà La Môn nghèo hèn kia ! Người lấy cái đầu đầy máu mủ làm gì ? Chúng ta mỗi người sẽ làm một cái đầu bằng bảy thứ của báu để đổi cho người và cho người tất cả các thứ cần dùng, trong bảy đời, người sẽ không phải thiếu thốn.

Người Bà La Môn nói :

- Tôi không cần dùng các thứ đó.

Bấy giờ các vị Đại Thần không được thỏa nguyện, lòng sinh khổ não, cất tiếng than khóc mà tâu Vua rằng :

- Nay Đại Vương nữ nào vì một người Bà La Môn, mà vĩnh viễn xa lìa Tổ quốc, nhân dân, Phu nhân và Thái tử ?

Nhà Vua nói :

- Nay ta vì các người và hết thấy chúng sinh mà xả thân bố thí. Khi ấy có một Đại thần thấy nhà Vua đã quyết định xả thân bố thí cho người Bà La Môn, liền tự nghĩ rằng "Ta nay làm sao có thể ngồi nhìn Đại Vương bỏ thân mệnh này ?". Nghĩ thế rồi, liền vào một căn phòng vắng vẻ, dùng dao tự sát.

Lúc đó, nhà Vua đi vào vườn sau, gọi người Bà La Môn đến, bảo rằng :

- Người từ phương xa đến để xin dầu ta, ta vì lòng từ bi thương xót người, không làm trái ý người. Ta nguyện đời sau được đầu trí tuệ để bố thí cho các người.

Nói xong, Vua chấp tay lễ bái mười phương, mà nguyện rằng : "Kính lạy chư Phật mười phương, rủ lòng thương xót, chư đại Bồ tát, uy thần ủng hộ, khiến cho con được thành tựu nguyện này".

Nguyện rồi, bảo người Bà La Môn cắt đầu. Người Bà La Môn nói :

- Nhà Vua có sức mạnh thế kia, nếu khi đau đớn, không chịu nổi, lại sinh hối hận mà quay lại giết tôi thì sao ? Vậy nhà Vua hãy dùng tóc tự quấn mình vào cành cây cho tôi cắt đầu.

Nhà Vua nghe nói, sinh lòng thương xót và tự nghĩ : "Người

kia già yếu, nếu không cắt được đầu ta, sẽ mất lợi lớn". Liên theo lời thỉnh cầu, lấy tóc tự trói mình vào cây, rồi bảo người Bà La Môn :

- Người hãy cắt đầu đặt vào tay ta, ta sẽ trao cho người.

Khi ấy người Bà la Môn, tay cầm dao, tiến lại gốc cây. Tức thời thân cây lấy ngón tay ấn vào đầu người Bà La Môn, người ấy, té ngất bất tỉnh. Lúc đó Vua Đại Quang Minh bảo thần cây rằng : "Sao ông không giúp tôi. lại gây khó khăn để cản trở phép lành ?"

Khi thần cây nghe Vua nói thế, lòng thấy khổ não. Vua nói to lên rằng : "Lạ thay ! Khổ thay ! Bầu trời xanh ngắt mà lại mưa máu, trái đất rung động, mặt trời mờ ám". Lúc đó người Bà La Môn cắt đầu nhà Vua, đem về nước láng giềng.

Bấy giờ năm trăm Thái tử và các quần thần, tấn liệm thân tàn của Vua Đại Quang Minh, xây tháp cúng dàng. Phật bảo Ngài A Nan rằng : "Vị đệ nhất đại thần lúc bấy giờ, thấy Vua Đại Quang Minh đem đầu bố thí, mắt chẳng nở nhìn. Nên đành tự sát, nay chính là Xá Lợi Phất, còn vua Đại Quang Minh, nay chính là ta, Thích Ca Như Lai vậy. Bồ Tát tu tập khổ hạnh như thế, thề vì chúng sinh, nhớ ơn chư Phật, nên được siêu thoát, thành đạo Vô thượng Bồ Đề. Xá Lợi Phất, được biết Như Lai, sắp vào Niết Bàn, mắt chẳng nở thấy, bèn nhập diệt trước cũng như xưa kia, chẳng nở thấy ta, xả thân bố thí, việc đó không khác. Trong khu vườn ấy, gốc cây kia, ta đã từng bỏ đủ một ngàn cái đầu của ngôi Vua Chuyển Luân để bố thí, chớ đừng nói các kiếp khác, khi

không làm Vua, ta cũng đã từng hy sinh cả thân thể, chân tay để bố thí nữa."

Khi Phật nói đến nhân duyên tu khổ hạnh đó, thì vô lượng trăm nghìn chúng sinh phát tâm Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác ; hàng trăm nghìn người được quả Tu Đà Hoàn cho đến quả A La Hán, và vô lượng trăm nghìn người phát tâm Thanh Văn, Tâm Bích Chi Phật. Hết thấy đại chúng : chư Thiên, Long, Quỷ thần, Nhân và Phi nhân, nghe Phật thuyết pháp vô cùng sung sướng, liền cúi đầu đảnh lễ mà lui ra.

Bấy giờ ở nước Ma Già Đà có năm trăm tên giặc, thường đón đường cướp phá, hà hiếp kẻ vô cơ, làm cản trở sự đi lại. Vua Ma Già Đà sai quân đi bắt. Họ lừa chúng vào rừng, đến một nơi hiểm trở và bắt trọn ổ cướp,

rồi móc mắt, xẻo mũi, cắt tai chúng. Lúc đó, năm trăm tên giặc, thân thể đau đớn, sắp chết đến nơi. Trong số năm trăm người ấy, có một người là đệ tử Phật. Người này bảo đồng bọn rằng : "Chúng ta chẳng sống được bao lâu nữa, tại sao không chí thành xưng niệm danh hiệu của Phật ?" Bấy giờ năm trăm người, đồng thanh hô to lên rằng : "Kính lạy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni !"

Trong khi ấy, thì Phật từ núi Kỳ Xà Quật, dùng sức thần thông đến núi Càn Đà. Gió lớn nổi lên, rung chuyển cây cối, bụi chiên đàn cuốn lên, mờ mịt hư không. Gió liền thổi đến khu rừng, nơi bọn giặc ngộ nạn, thu nhặt những mắt, mũi, tai v.v... của bọn giặc và làm cho bình phục như cũ. Khi bọn giặc được hoàn đôi mắt, hết các thương

tích, máu biến thành sữa, thì bảo nhau rằng : "Chúng ta nhờ ơn Đức Phật mà thân thể được yên vui. Nếu muốn báo đền ơn Phật, chúng ta phải mau mau phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính Giác". Nói xong, tất cả đều đồng thanh hô to lên rằng : "Những người chưa được yên vui, ta sẽ làm cho được yên vui những người chưa được giải thoát, ta sẽ khiến cho được giải thoát, những người chưa được độ, ta sẽ độ cho ; những người chưa đắc đạo, ta sẽ khiến cho được vào Niết Bàn."

Lại nữa, những phương tiện từ bi và sức uy thần của Đức Như Lai thật khó nghĩ bàn. Hồi Đức Phật ở nước Xá Vệ, lúc ấy trong núi Quạt Sơn có năm trăm người, thường đón đường cướp phá, làm mọi điều phi pháp. Bấy giờ Đức Như Lai

dùng sức phương tiện, hóa làm một người, cưỡi con voi lớn, mình mặc áo giáp, lưng đeo cung tên, tay cầm giáo nhọn. Con voi trang sức bằng các thứ bảy báu ; đồ trang sức của người ấy cũng toàn bằng thất bảo, lộng lẫy, sáng chói ; một mình đi vào con đường hiểm trở, đến núi Quạt Sơn. Lúc đó, từ trên núi, năm trăm tên cướp trông thấy người ấy từ đằng xa, liền bảo nhau rằng : "Chúng ta làm giặc đã lâu, chưa từng thấy người nào như thế." Tên đầu đảng mới hỏi đồng bọn rằng :

- Các anh thấy gì ?

- Chúng tôi thấy một người cưỡi con voi lớn, y phục lộng lẫy, yên cương của voi toàn bằng thất bảo, tỏa ra ánh sáng, chiếu rọi trời đất mà lại chỉ có một mình, đang từ đằng xa đi đến. Nếu ta bắt được, thì y

phục và đồ tư trang của người ấy dùng đến bảy đời cũng không hết. Tên đầu đảng nghe xong, lòng sinh vui mừng và khế bảo đồng bọn rằng : "Cẩn thận, chớ bắn vội ! Chúng ta hãy từ từ bao vây cả phía trước, phía sau, rồi cùng xông ra một lượt mà bắt."

Lúc bấy giờ năm trăm người đồng thanh hô to, bảo người kia hãy đứng lại.

Người kia dùng sức từ bi, rủ lòng thương xót, liền giương cung bắn. Năm trăm tên cướp lần lượt bị tên, thương tích đau nhức, không thể chịu nổi, đều cùng té nhào, lăn lộn kêu khóc, ngời dậy nhổ tên ra, nhưng tên cứ dính chặt, không sức nào nhổ nổi. Bọn cướp sợ hãi và nói với nhau rằng : "Hôm nay chúng ta tất phải chết. Từ xưa đến nay chưa gặp người nào mà khó

chống cự như người này. Rồi cùng đọc bài kệ hỏi rằng :

"Ông là người thế nào
Có sức chú thuật này,
Hiện phép Long, Thần, Quỷ,
Một tên bán năm trăm
Đau khổ không thể tả.
Chúng tôi đều quy y,
Xin vì nhỏ tên độc,
Thuận theo không dám trái".

Bấy giờ người kia liền nói bài kệ đáp rằng :

"Vết thương không đau mấy,
Tên bán chẳng quá mạnh,
Người khỏe không thể nhỏ.
Chỉ nghe nhiều là khỏi".

Nói kệ xong, người kia liền hiện lại thân Phật, phóng hào quang lớn, chiếu khắp mười phương. Hết thấy chúng sinh được thấy ánh sáng đó, thì

người mù trở lại sáng, người gù đứng thẳng được, người què được tay chân, kẻ mê lầm được thấy chính đạo. Nói tóm lại mọi sự không vừa ý, đều được toại nguyện.

Khi ấy Đức Như Lai thuyết pháp cho năm trăm người nghe, chỉ dạy những điều lợi lạc. Năm trăm người nghe pháp vui mừng, thương tích bình phục, máu trở thành sữa, liền mở lòng Vô thượng Bồ Đề, đồng thanh đọc bài kệ rằng :

"Chúng ta phát tâm rồi,
 Làm lợi ích chúng sinh,
 Phải nên thường cung kính,
 Thuận theo học chư Phật,
 Nhờ Phật sức từ bi,
 Cứu khổ, lòng yên vui.
 Nên phải nhớ ơn Phật,
 Bồ Tát và Thiện Hữu

Sư trưởng và cha mẹ,
 Cùng mọi loài chúng sinh.
 Oán, thân lòng bình đẳng,
 Ân đức không có hai".

Bấy giờ trên không trung, các trời ở cõi dục và trời Kiều Thi Ca, mưa hoa, tấu nhạc cúng dàng Như Lai đồng thanh đọc kệ rằng :

Con nhờ phúc đời trước,
 Được sáng sửa nghiêm sức
 Cúng dàng các thứ quý
 Lợi ích cho hết thấy
 Thế Tôn rất khó gặp
 Diệu pháp khó được nghe.
 Nhờ vun trồng cõi phúc
 Nay được gặp Như Lai
 Chúng con nhớ ơn Phật,
 Đều cùng phát đạo tâm.
 Con nay được thấy Phật,

Nếu có nghiệp thiện gì
Xin vì mọi chúng sinh
Hồi hướng đạo Vô Thượng

Nói kệ xong, các vị trời đi nhiều quanh Phật trăm nghìn vòng, cúi đầu lễ Phật rồi bay lên hư không, biến đi.

Lại nữa, sức từ bi, phương tiện của Đức Như Lai thật khó nghĩ bàn. Một lần, tại nước Tỳ Giá Ly, có người Bà La Môn, chấp theo tà kiến tham đắm kiêu căng. Ngài Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên đến nhà nói pháp khuyên nhủ, nhưng người ấy không chịu tin theo, cứ cố chấp tà thuyết. Người này giàu có, của báu vô số, nhưng lại không con. Người ấy tự nghĩ, một mai chết đi, của cải mất hết. Nghĩ như thế rồi, liền đến thần miếu, và các thần cây, lễ bái cầu tự. Sau chín mươi ngày, người vợ mang thai. Chín tháng

mười ngày, sinh được con trai, thân hình đẹp đẽ, tướng mạo khôi ngô, cha mẹ yêu mến, mọi người tôn trọng. Khi mười hai tuổi, một hôm cùng các bè bạn đi chơi, giữa đường bị một con voi say đạp chết. Cha mẹ hay tin, vật vã than khóc, lòng phát điên cuồng, mình mẩy lấm láp, bứt tóc, rút tai, cất tiếng than rằng : "Sao mình bạc phúc thế này, có sống cũng như chết vậy !" Sau tìm đến nơi con chết, ôm lấy xác con, kêu gào thảm thiết tỉnh rồi lại mê, tâm trí cuồng loạn, khỏa thân mà đi. Lúc đó may sao, được thấy Đức Như Lai. Phật dùng sức từ bi, hóa làm người con. Cha mẹ thấy vậy, vội đến ôm lấy, vui mừng không xiết, tâm hết cuồng loạn, tỉnh táo như trước. Bấy giờ Phật mới nói pháp cho nghe, nghe xong đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, sức từ bi, thiện căn của Như Lai không thể nghĩ bàn.

Một lần, có ông Vua tên là Lưu Ly, xuất quân chinh phạt nước Xá Duy, bắt những người họ Thích, đem đi rồi đào hố chôn vừa tới nách, không cho cử động. Hơn bảy ngày sau, Đức Như Lai dùng sức từ bi biến chỗ đất đó thành một cái ao. Nước ao trong mát, đủ tám công đức. Trong ao có các thứ hoa thơm ngát, như hoa ba đầu ma, hoa phân đà lợi, to bằng bánh xe, xanh, vàng, đỏ, trắng. Lại có các loài chim, cùng hòa tiếng hát. Những người họ Thích thấy thế, sinh lòng vui mừng, liền phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Sau khi phát tâm Bồ Đề thì Vua Lưu Ly lấy rượu cho năm trăm voi đen uống thật say, đóng móng sắt vào chân,

buộc kiếm nhọn vào ngà, rồi đóng một hồi trống, thả đàn voi ra, dày đập những người họ Thích. Thân thể tan nát, xương da rã rời, ngổn ngang trên mặt đất. Nhưng nhờ sức từ bi của Phật, nên thân tâm được yên vui nên mới mở lòng Bồ Đề, nên đối với chúng sinh, sinh tâm bình đẳng ; vì sinh tâm bình đẳng nên không mang lòng sâu hận ; vì không sâu hận nên được sinh lên cõi trời. Khi sinh lên cõi trời rồi, nhờ có thiên nhân, thấy đủ căn duyên, liền nói với nhau rằng : "Nhờ từ ân của Phật, chúng ta mới được sinh thiên. Cung điện toàn bằng thất bảo, y phục lộng lẫy, thân tướng rực rỡ, ca nhạc tuyệt vời, hết thấy đều nhờ thần lực của Đức Như Lai mà có. Vậy nên chúng ta phải phát tâm đại bi làm lợi ích cho chúng sinh. Bất cứ nơi nào có Phật Pháp, hoặc

ở thành, ấp, làng mạc, hoặc trong rừng núi, hay cung điện, nhà cửa, hễ có người đọc tụng, biên chép, giải bày nghĩa lý, thì người ấy được mọi sự cung cấp, đầy đủ như ý, không bao giờ thiếu thốn. Nếu có xảy ra chiến tranh, bệnh tật, đói khát, thì chúng ta phải ngày đêm ủng hộ, tâm không xa lìa". Lúc mọi người phát nguyện như thế rồi, thân tướng trở nên sáng sủa, chói lọi, rực rỡ hơn trước bội phần, họ vui mừng nhảy múa, bay trên hư không mà đi.

Lại nữa, sức từ bi phương tiện của Đức Như Lai không thể nghĩ bàn.

Sau khi đánh phá nước Xá Duy và hãm hại những người họ Thích rồi, vua Lưu Ly bắt những người con gái dòng họ Thích, chọn những người có nhan sắc, và tài năng, gồm năm trăm

người, bắt họ xếp hàng, gảy đàn, thổi sáo, múa hát, mà trở về nước mình.

Khi về tới nhà, các bà phu nhân và cung nữ lên ngồi trên chính điện mà nói với mọi người rằng : "Hôm nay ta sung sướng vô cùng". Lúc đó, những người con gái họ Thích hỏi Lưu Ly rằng :

- Tại sao hôm nay các bà ấy sung sướng ?

Vua đáp :

- Vì ta đã thắng kẻ thù.

Những người con gái họ Thích nói :

- Nhà Vua không thắng đâu. Thật ra thì cả bốn bộ binh của nhà Vua cũng không thể địch lại được một người họ Thích chúng tôi. Nhưng vì chúng tôi là đệ tử của Phật, không tranh giành với ai, nên để nhà Vua

thắng đó thôi. Nếu chúng tôi mà chống cự, thì chắc chắn nhà Vua phải kéo quân sang nước Xá Duy ba bốn lần.

Lần thứ nhất, khi nhà Vua mang quân đến, những người trong dòng họ Thích chúng tôi đã bảo nhau rằng : "Ông Vua Lưu Ly này không biết đến ân nghĩa, sinh lòng tàn ác. Nếu chúng ta cùng ông ta giao chiến, thì không phân biệt được người hiền, kẻ ngu, đen trắng không rõ. Vậy chúng ta chỉ nên làm cho ông ta sợ hãi mà rút lui thôi. Nói xong liền phát thệ rằng : "Mọi người chúng ta đều phải bắn, nhưng không được để cho mũi tên gây nên thương tích." Rồi xuất bốn bộ binh ra chống cự Vua Lưu Ly. Cách bốn mươi dặm, giương cung mà bắn. Những mũi tên theo nhau bay đi vun

vút và đều trúng đích. Thấy thế, Vua Lưu Ly mang lòng hoảng sợ, liền mở đường chạy lui.

Hơn chín mươi ngày sau, Vua Lưu Ly lại cử binh đi đánh dòng họ Thích. Lúc đó những người họ Thích họp lại bàn rằng : "Lưu Ly là con người tàn ác, không biết hổ thẹn, lại kéo quân đến, muốn rước lấy họa hoạn hay sao ? " Nói xong cũng tuyên thệ rằng : "Hôm nay chúng ta cùng nhắm áo giáp mà bắn, đừng để cho người bị thương". Thế rồi mọi người đều giương cung bắn, khiến cho áo giáp và những đồ binh khí của địch tan tành, gãy nát, chỉ còn người không. Khi ấy, Vua Lưu Ly trong lòng sợ hãi, liền triệu tập các quần thần để thương nghị. Vua nói : "Hôm nay, chúng ta sợ khó toàn tính

mệnh". Trong số có một vị đệ nhất đại thần tâu rằng : "Những người họ Thích đều là đệ tử của Phật, giữ giới bát sát, tu hạnh từ bi, nếu không, thì thân mệnh chúng ta chẳng bao lâu nữa sẽ bị tiêu diệt." Vua nói : "Nếu thật như thế, thì ta hãy tiến lên".

Lúc đó, những người họ Thích khoanh tay đứng nhìn. Quân mã của Vua Lưu Ly đến gần bức hiếp. Trong số dòng họ Thích, có một người Bà La Môn bảo những người họ Thích rằng : "Tai họa đã đến nơi, sao lại thản nhiên mà đứng nhìn như vậy ? " Họ đáp : "Chúng tôi không tranh giành với ai cả, nếu đánh nhau với kẻ kia thì không phải là đệ tử của Phật". Bất mãn với những lời nói đó, người Bà La Môn xông ra vòng chiến, đánh vua Lưu Ly ; bắn

một phát, giết bảy người và chỉ trong khoảng thời gian ngắn, số tử thương đã tăng lên rất nhiều, và bốn bộ binh của Vua Lưu Ly phải tìm đường rút lui. Lúc bấy giờ, những người họ Thích lại nghĩ rằng : "Chúng ta không làm bạn với kẻ ác nhân này". Nghĩ xong, liền họp nhau đuổi người Bà La Môn ấy đi. Sau khi đuổi người Bà La Môn đi, thì Vua Lưu Ly lại xuất quân đánh nước Xá Duy và vì thế nên nhà Vua mới thắng.

Nghe xong, Vua Lưu Ly sinh lòng hổ thẹn, liền sai bọn Chiên đà la xẻo tai, mũi, cắt chân tay của những người con gái họ Thích, rồi mang xe chở đến cái mả thật cao mà vứt. Sau khi bị cắt chân tay ; những người con gái họ Thích lăn lóc kêu gào, khóc than thảm thiết, đau đớn, khổ cực biết rằng cái thân tàn

chẳng còn sống được bao lâu. Họ bắt đầu gọi đến cha mẹ, anh em và chị em, hoặc kêu trời, la đất, đau đớn không cùng. Trong số những người con gái đó, có một người đứng hạng nhất bảo những người kia rằng : "Này các chị em, tôi đã từng theo Phật, được biết trong lúc tai nạn nguy cấp, nếu người nào phát được một niệm niệm Phật, dốc lòng quy mệnh, thì được yên ổn và đúng như ý nguyện". Lúc đó năm trăm người con gái họ Thích đồng thanh, chí thành niệm rằng : "Kính lạy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bậc Vô thượng Chính đẳng Chính giác !" Rồi lại cùng xướng to lên rằng : "Đau đớn thay ! Than ôi, đáng Bạc Già Phạm !" Khi xướng như thế, thì ở giữa không trung, nhờ sức uy thần và thiện căn của Đức Như Lai, một áng mây đại từ bi nổi lên, rồi tiếp

theo là những giọt nước đại từ tuôn xuống thân thể của những người con gái họ Thích. Nhờ những giọt mưa ấy, mà tai mũi, chân tay lại hoàn như cũ.

Cảm thấy vô cùng sung sướng, những người con gái họ Thích đồng thanh hô to lên rằng : "Lạy Đức Từ Phụ Như Lai, Đức Thế Tôn không gì hơn. Ngài là phương diệu dược của thế gian. Đối với chúng sinh trong ba cõi, Ngài thường cứu khổ, ban vui, bởi thế nên ngày nay chúng con mới được thoát nạn".

Rồi bảo nhau rằng : "Chúng ta phải nghĩ đến ơn của Phật và phải nhớ báo ơn Phật." Nhưng họ lại nghĩ : nên lấy gì để báo ân Đức Phật ? Thân của Như Lai là thân kim cương, thường còn không mất, không đói khát, sắc tướng màu

nhiệm, hết thấy đều đầy đủ ; trăm nghìn phép định, năm căn, năm lực và bảy món trợ đạo không thể nghĩ bàn ; ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, phúc tuệ trang nghiêm, thường ở cảnh đại Niết bàn, coi chúng sinh như con, oán thân bình đẳng, không mong báo đáp. Ngày nay chúng ta muốn báo ân Phật thì chỉ nên xuất gia, giữ gìn giới cấm và hộ trì chính pháp. Suy nghĩ thế rồi, liền cầu áo bát, trở về bản quốc đến nơi tịnh xá của Tỳ Khưu Ni xin được xuất gia.

Lúc ấy, bọn lục quần Tỳ Khưu Ni, thấy những người con gái họ Thích, tuổi hãy còn trẻ, nhan sắc lộng lẫy thì tự nghĩ rằng : "Tại sao họ lại có thể bỏ những cái khó bỏ để đi xuất gia ? Ta hãy đem những sự

khoái lạc ở đời nói cho họ nghe, và bảo họ đợi khi nào luống tuổi hãy xuất gia, như thế chẳng khoái lắm sao ? Nếu họ hoàn tục, tất sẽ đem áo bát dăng cho ta". Suy nghĩ thế rồi, bọn lục quần Tỷ khưu ni đến trước những người con gái và đem những việc trên nói cho họ nghe. Những người con gái nghe xong, lòng thấy khổ não. Và tự nghĩ rằng : "Đây là nơi yên ổn, sao lại có sự đáng sợ như vậy, chẳng khác nào trong thức ăn, ngon ngọt mà pha lẫn thuốc độc. Những điều mà bọn Tỷ khưu ni kia vừa nói cũng lại như thế. Trong những món dục lạc ở đời, có nhiều nguy hại, ta đã biết rồi, tại sao lại còn tán dương những thứ đó và khuyên ta trở về để đắm theo ngũ dục ?" Nghĩ xong liền òa lên khóc và ra khỏi phòng Tăng.

Bấy giờ có một vị Tỷ Khưu ni tên là Hoa Sắc hỏi những người con gái rằng :

- Tại sao các người lại khóc ?
- Vì không được như ý nguyện.
- Các người nguyện điều gì ?
- Chúng tôi muốn xuất gia mà không được chấp thuận.
- Các người muốn xuất gia thì ta sẽ độ cho.

Những người con gái nghe rồi, lòng sinh vui mừng nói với Bà Hoa Sắc rằng : "Bạch Hòa Thượng, chúng con khi còn tại gia, gặp nhiều thống khổ, họ hàng ly tán, lại bị xẻo mũi, cắt tay, chặt hết tay chân, đau đớn khôn cùng".

Lúc ấy Bà Hoa Sắc bảo các đệ tử rằng : "Những nỗi tâm khổ của các người đâu đáng kể. Khi ta còn tại gia đã phải gánh chịu không biết bao nhiêu khổ cực."

Những người con gái họ Thích liền quỳ xuống, chấp tay, xin Thầy nói lại căn nguyên của các nỗi khổ còn tại gia cho nghe. Bấy giờ Bà Hoa Sắc Tỷ Khưu ni mới vào đại định, dùng sức thần thông, phóng hào quang lớn, chiếu khắp cõi Diêm Phù Đề, chiêu tập những người có duyên với Phật Pháp, Thiên, Long, Quỷ thần, Nhân và Phi nhân. Rồi giữa đại chúng, Bà tự nói rằng : "Khi ở tại gia, ta là người nước Xá Vệ, cha mẹ gả ta cho người phương bắc. Theo phong tục nước ấy, người đàn bà khi mang thai, gần ngày sinh nở phải về nhà cha mẹ mình. Cứ như thế, vài năm một lần, sau lại mang thai. Có một kỳ gần đến ngày sinh, hai vợ chồng ta, về nhà cha mẹ đi được nửa đường thì gặp một con sông, nước sông tràn đầy, chảy xiết, đường sá vắng tanh, lại nhiều

giặc cướp. Khi tới sông, thì trời vừa sẩm tối, không thể qua được, đành phải ngủ lại trên bờ sông. Lúc canh một thì bụng chuyển đau, ta liền ngồi dậy và không bao lâu sinh được một trai.

Trong đám cỏ trên bờ sông, có một con rắn độc, thấy mùi máu tươi, nó mới tìm đến, nhưng chưa đến chỗ ta nằm. Trong khi đó thì chồng ta và người đầy tớ đang ngủ ở giữa đường. Rắn đến chỗ người đầy tớ và cắn chết ngay, rồi lại nơi chồng ta, vì ngủ không biết, nên cũng bị nó cắn chết. Lúc ta hô : "Rắn ! Rắn !" Không thấy chồng ta trả lời. Sau khi cắn chết chồng ta và người đầy tớ rồi, nó lại cắn luôn cả trâu, ngựa. Sáng hôm sau, ta thấy thân thể của chồng sưng phồng, thối nát, xương thịt tan rã,

ngón ngang trên đất. Ta đau buồn sợ hãi quá đến nổi ngất đi rồi vật vã than khóc, đập đầu, rút tóc, thân hình lấm láp, tỉnh rồi lại mê, qua mấy ngày liền, đau khổ buồn thương như vậy.

Một mình ở lại bờ sông cho đến khi nước sông rút bớt, ta mới cố đưa con nhỏ sau lưng, còn đưa hài nhi mới sinh thì bọc vào trong áo, lấy thắt lưng buộc chặt rồi ngậm ở nơi miệng mà lội qua sông. Khi đến giữa dòng, ta quay lại nhìn đứa con lớn còn ngồi trên bờ, thì thấy một con mãnh hổ đang hồng hộc chạy tới : ta vừa cất tiếng tri hô, bỗng đứa hài nhi rơi theo dòng nước. Ta vội cúi xuống mò tìm, đứa hài nhi đã chẳng thấy, thì đứa con nhỏ trên lưng, vì không tay giữ, cũng lại té xuống sông và bị dòng nước cuốn đi. Trong khi đó, thì đứa

con lớn trên bờ kia bị hổ ăn thịt. Nhìn cảnh ấy, lòng ta tan nát, đứt từng khúc ruột, máu trào ra miệng, kêu gào than khóc ; chỉ trong một buổi sớm ta đã phải chứng kiến bao cảnh tang tóc như vậy ?

Khi lên đến bờ sông, ta liền ngã lăn bất tỉnh. Một lúc sau, ta thấy một bọn người đi đến. Trong đám người đó, có một ông Trưởng giả là bạn của cha mẹ ta. Ta vội hỏi thăm tin tức cha mẹ, thì được người Trưởng giả cho biết rằng, nhà cha mẹ ta vừa cháy đêm trước và cha mẹ đều bị chết thiêu. Được biết tin ấy, ta lại chết ngất, hồi lâu mới tỉnh. Vừa đúng lúc đó, có năm trăm tên cướp đến chặn đường cướp phá bọn ông Trưởng giả kia. Bấy giờ tên tướng cướp bắt ta dẫn đi, rồi ép ta làm vợ, giao cho ta giữ cửa, khi bị người

đuổi, gặp lúc nguy cấp, phải mở cho mau. Ít lâu sau, một hôm, chồng ta cùng bọn giặc đi cướp giết, bị các tài chủ trong làng, hợp lực đuổi bắt, phải bỏ chạy về. Lúc đó, trong nhà ta vừa sanh con, chồng ta đứng ngoài, gọi hai ba lần, nhưng không ai mở cửa. Bấy giờ, y tự cho rằng ta muốn hại y. Nghĩ rồi, y liền trèo tường mà vào và hỏi tại sao ta không mở cửa ? Ta nói là vì vừa mới sinh nở nên không kịp ra mở cửa. Thấy thế, tên tướng cướp mới nguôi giận và bảo ta rằng : "Người ta hể có thân, thì tất có con. Vì người sinh đẻ mà suýt nữa nguy hại cho ta. Đứa con này có ích gì, đem giết cho mau !". Nhưng lòng ta thương xót, không nỡ đem giết. Bấy giờ tên tướng cướp rút dao chặt hết chân tay đứa trẻ rồi bảo ta phải ăn cho hết, nếu không chịu ăn, y sẽ chém đầu. Vì quá sợ hãi

nên ta phải ăn, sau khi ăn xong, y hết tức giận.

Sau đó chồng ta tiếp tục đi cướp phá. Một hôm bị nhà Vua bắt được, đem ra trị tội. Cái phép trị giặc là phải xử tử và người vợ của tội nhân cũng bị chôn theo chồng. Lúc ấy, ta mặc toàn đồ anh lạc. Có kẻ tham lợi, ban đêm đến đào mả để lấy của báu và bắt ta đem đi. Nhưng ít lâu sau, nhà Vua cho người đi dò xét và ta lại bị bắt. Sau khi bắt được ta, nhà Vua theo luật mà xử như trị tội giặc. Phép trị tội giặc là xử tử và người vợ của tội nhân cũng bị chôn theo. Nhưng chôn không được kỹ, nên đêm đến các loài hổ lang ra bới lên để ăn tử thi, nhờ thế mà ta thoát chết. Khi ra khỏi mả, hồn ta mê man, mặc dầu cứ đi mà không biết đi đâu. Dọc đường ta gặp nhiều người, ta

liền nhờ họ chỉ cho một nơi yên ổn, để diệt trừ mọi nỗi lo âu sâu muộn. Bấy giờ có một vị Trưởng lão thuộc dòng Bà La Môn, rủ lòng thương xót, nói với ta rằng : "Lão từng nghe nói, trong giáo pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, có nhiều yên vui, không còn khổ não."

Được nghe xong, ta thấy vui mừng vô hạn. Ta liền đến chỗ Ngài Đại Ái Đạo, Kiều Đàm Di Tỷ Khư ni cầu xin xuất gia. Sau khi xuất gia, ta cứ lần lượt y theo giáo pháp mà tu tập, cho đến khi chứng được đạo quả A La Hán, đầy đủ tam minh, lục thông và tám món giải thoát.

Các người thấy chưa ? Khi còn ở tại gia, ta đã phải trải qua những nỗi khổ đau như vậy. Nhưng cũng nhờ thế mà ngày nay ta mới chứng được đạo quả.

Những người con gái họ Thích nghe xong, lòng rất vui mừng, chứng được pháp nhãn. Đại chúng nghe rồi, đều cùng phát tâm, cầu đạo Vô thượng.

Khi bảy giờ bà dì Phật là Ngài Kiều Đàm Di Tỷ Khưu Ni bảo các vị Tỷ Khưu ni, Thức Xoa Ma ni, Sa Di ni, Ưu bà di và hết thảy phụ nữ rằng : Phật pháp là lợi ích lớn. Chỉ trong giáo pháp của Đức Như Lai mới có đầy đủ các công đức và ba thứ quả báo. Hết thảy chúng sinh đều có phận trong đó. Thế mà Đức Như Lai lại không cho phụ nữ chúng ta được dự vào Phật pháp là vì lẽ gì ? Là vì phụ nữ chúng ta phần nhiều hay ngờ vực, chấp trước, không có lòng hỷ xả. Cũng vì chấp trước nên mới tạo không biết bao nhiêu nghiệp trói buộc, đến nỗi bị ngu si và ái dục che lấp

mất chân tâm, do đó mà phải chìm đắm mãi trong bể khổ sinh tử, mặc cho lớp sóng ái dục dập vùi. Vì tà kiến và tham ái làm chướng ngại, nên mới sinh ra kiêu ngạo, lừa biếng, bởi thế thân này, không thể đạt đến đạo quả Vô Thượng Bồ Đề, không thể có được ba mươi hai tướng tốt. Trong đường sinh tử, không được làm Chuyển Luân Thánh Vương, dùng phép Thập thiện, giáo hóa chúng sinh ; cũng không thể đạt đến ngôi Phạm Vương cùng tột, không thể kiến lập Chính Pháp, và khuyến thỉnh chư Phật chuyển bánh xe Pháp để cho hết thấy chúng sinh đều được lợi lạc. Bởi thế nên Đức Như Lai không cho nữ nhân được làm đệ tử. Thiên Ma Ba Tuần, các loại tà kiến và hết thấy ngoại đạo chuyên làm điều ác, chấp theo tà thuyết, phá hoại chính pháp, diệt Phật

Pháp Tăng. Vì vậy Đức Như Lai không cho nữ nhân dự vào Phật Pháp.

"Ta vì hết thấy phụ nữ, ba lần thỉnh cầu Đức Như Lai cho được xuất gia, tu học Phật Pháp, mà Phật không thuận. Vì không được như nguyện, lòng ta buồn tủi, giận cho thân phận nữ nhân, bất giác, lệ tràn mí mắt, ta mới thất thểu bước ra khỏi Kỳ Hoàn Tinh Xá.

Lúc đó ta gặp Ngài A Nan. Ngài A Nan hỏi tại sao mà trông ta buồn khổ như vậy. Ta liền thuật lại cho Ngài A Nan nghe là ta muốn xuất gia, tu theo Phật pháp, mà cầu xin đến ba lần Đức Như Lai cũng không chấp thuận, bởi thế nên ta buồn khổ.

Bấy giờ Ngài A Nan bảo ta đừng lo, Ngài hứa sẽ xin Đức Như Lai chấp thuận cho ta vào

Phật Pháp. Nghe lời A Nan nói vậylòng ta sung sướng vô cùng".

Khi ấy Ngài A Nan vào bạch Phật rằng : "Bạch Thế Tôn, con muốn cầu xin Thế Tôn hứa khả cho một việc". Phật bảo A Nan :

- Ông muốn xin điều gì, cứ nói.

A Nan thưa :

- Bạch Đức Thế Tôn, Di Mẫu Ba Xà Ba Đề đã chăm nom nuôi nấng sắc thân của Thế Tôn, đến ngày nay, Thế Tôn đã thành Phật. Nếu kể đến công lao của Di Mẫu đối với Như Lai, thì Như Lai phải mang ơn Di Mẫu rất nhiều. Thế mà, hết thấy chúng sinh, Như Lai còn cho dự vào Phật Pháp hướng chi Di Mẫu, nỡ nào Như Lai không thuận ?

Phật bảo Ngài A Nan :

- Đúng như lời ông nói. Không phải ta không biết đến

thâm ân của Di Mẫu đối với ta, nhưng ta không muốn cho nữ nhân dự vào Phật Pháp. Nếu ta cho nữ nhân ở trong Phật pháp, thì sau năm trăm năm, chính pháp của ta sẽ suy đồi. Bởi thế mà ta không muốn để nữ nhân dự vào Phật Pháp.

Bấy giờ ngài A Nan cúi đầu lễ, rồi quỳ gối, chấp tay lại bạch Phật rằng :

- Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ chư Phật ở quá khứ đều có đủ bốn bộ chúng, mà chỉ có một mình Đức Thích Ca Như Lai là không có đủ.

Phật bảo Ngài A Nan :

- Nếu Di Mẫu quý chuộng Phật Pháp, phải hết sức tinh tiến, tu tập phép Bát kính, ta sẽ ưng thuận, cho được xuất gia sống trong Phật Pháp.

Lúc đó Ngài A Nan lễ Phật, đi nhiều ba vòng, rồi lui trở ra. Ngài liền đến báo cho ta biết là Đức Như Lai đã theo lời cầu xin của Ngài mà bằng lòng cho ta được xuất gia, phụng trì Phật Pháp. Được biết tin ấy, lòng ta vui mừng vô hạn, và bạch Ngài A Nan rằng :

- Quý hóa thay, Ngài A Nan ! Ngài đã hết lòng thỉnh cầu Đức Như Lai, khiến cho tôi được toại nguyện.

"Rồi Ngài nói lại cho ta nghe pháp Bát kính mà Đức Như Lai đã ân cần dạy bảo. Nghe xong, nửa mừng nửa tủi, ta tự nghĩ rằng : thân ta đây là cái thân vô thường, nay được đem đổi lấy cái thân quý báu ; mệnh sống ta đây, niệm niệm hằng biến diệt, không nhất định, nay được đem đổi lấy mệnh quý báu ; thân mệnh, của cái

của ta đây đều do nhân duyên giả dối mà có, không phải chân thật, nay được đem đổi lấy của báu vĩnh viễn bất diệt. Khi nghĩ đến những công đức và lợi ích như thế, ta liền sinh lòng chí thành cung kính cúng dàng Ngài A Nan và bạch rằng : "Đại Đức A Nan, xin Ngài đừng lo. Tôi sẽ trọn đời tuân theo giáo pháp mà Đức Như Lai chỉ dạy. Dù có phải bỏ cả thân mệnh chẳng nữa, tôi cũng không dám vi phạm".

"Bấy giờ Đức Như Lai mới nói pháp Bát Kính nhiệm màu cho ta nghe. Lúc đó, ta vận dụng lòng đại bi, vì hết thấy nữ nhân đời vị lai mà bạch Phật rằng : "Bạch Thế Tôn, nếu sau này, trong đời ác trước, có người thiện nữ nào, đối với Phật Pháp, sinh lòng kính mến, thì xin Thế Tôn cũng nhận cho

được vào Phật Pháp." Khi ấy Phật bảo ta rằng :

- Quý hóa thay ! Nếu sau này có những thiện nữ, biết hộ trì Phật Pháp, theo thứ lớp mà tu tập, giữ giới, bố thí, học rộng, tu các thiện pháp, tại gia hay xuất gia, thụ tam quy hoặc trì ngũ giới, hay giữ đủ các giới, tu các pháp lục độ và các pháp trợ đạo, ta sẽ cho được tùy ý mà tu tập, và cũng được ba thứ quả báo ở cõi người, cõi trời và đạo quả Vô Thượng.

Nghe Phật nói thế, lòng ta vui sướng vô cùng, ta liền bạch Phật rằng :

- Bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân chúng tôi mà được ba thứ quả báo ấy, thì chính là nhờ ơn Phật vậy.

Phật nói :

- Đừng nghĩ như thế, Như Lai không hề có ơn, đối với chúng sinh, Như Lai không bao giờ kể có ơn. Nếu kể ơn tức là phá hoại cái tâm bình đẳng của Như Lai. Nên biết rằng, đối với chúng sinh nếu Như Lai còn kể có ơn hay không ơn, thì Như Lai không có tâm bình đẳng. Nếu chúng sinh nào đem lòng hủy hoại Phật, Như Lai không giận, hoặc có chúng sinh lấy hương chiên đàn mà ướp vào thân Như Lai, Như Lai cũng không mừng. Như Lai đối với hết thảy chúng sinh đều bình đẳng, không còn oán, thân phân biệt. Ơn là ơn của A Nan, chứ không phải của Như Lai. Là vì nhờ có A Nan mà nữ nhân mới được vào Phật Pháp. Vậy nên đời sau, các Tỷ Khưu ni và hết thảy những người thiện nữ, thường phải nên hết lòng ghi nhớ ơn của A Nan, nhắc nhở danh hiệu, cung kính, cúng dàng, tôn trọng tán

thán, đừng để đứt mát. Nếu không thể làm được như thế luôn luôn, thì đêm ngày sáu thời, cũng phải để tâm ghi nhớ.

Bấy giờ, Ngài Kiều Đàm Di bảo các vị Tỷ Khưu Ni và tất cả mọi người thiện nữ rằng : "Chúng ta phải nên dốc lòng quy mệnh A Nan Đại Sư. Nếu người thiện nữ nào, muốn cầu sự yên ổn và quả báo tốt lành, cứ đến ngày mừng Tám tháng Hai, hoặc mừng Tám tháng Tám, mặc áo sạch sẽ, dốc lòng thụ trì phép Bát Trai Giới, ngày đêm sáu thời, siêng tu tinh tiến, thì Ngài A Nan sẽ dùng sức uy thần, tùy nguyện giúp đỡ, khiến được như ý."

Nghe Pháp xong, đại chúng vui mừng, rồi đi vòng bên phải mà lui ra.